

# THÀNH CÔNG CỦA CUỘC THI SÁNG TẠO THANH THIẾU NIÊN NHI ĐỒNG TỈNH ĐIỆN BIÊN LẦN THỨ II

Với mục đích khơi dậy tiềm năng, phát huy tư duy sáng tạo nghiên cứu khoa học của thế hệ trẻ, qua đó rèn luyện kỹ năng sáng tạo, xây dựng ước mơ trở thành nhà sáng chế trong tương lai cho các em nhỏ. Năm 2018 Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh đoàn TN CSHCM đã tổ chức thành công tốt đẹp.

Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh Điện Biên lần thứ II năm 2018, có sự tham gia của các em thanh, thiếu niên, nhi đồng ở 10 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh. Các sản phẩm dự thi cho thấy các ý tưởng sáng tạo của các em thanh thiếu niên, nhi đồng khá phong phú, đa dạng, có ở nhiều lĩnh vực gắn liền với học tập, lao động, vui chơi giải trí, sản xuất và đời sống góp phần vào việc học tập, vui chơi giải trí và sản xuất của thanh, thiếu niên, nhi đồng. Sau hơn 4 tháng triển khai, Ban Tổ chức đã nhận được 94 sản phẩm của 10 huyện, thị, thành phố tham dự cuộc thi cấp tỉnh. Trong quá trình thẩm định hồ sơ dự thi, có 93 sản phẩm đủ điều kiện tham gia cuộc thi cấp tỉnh thuộc 05 lĩnh vực:



Em Hạng A Phỏng tác giả sản phẩm “Chế tạo máy gặt lúa đa năng” trình bày với ban giám khảo cơ chế hoạt động của sản phẩm

Ảnh Thanh Tùng

- **Lĩnh vực Bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế:** gồm 16 sản phẩm. Đáng chú ý là sản phẩm: “Mô hình làm vườn đa năng” của tác giả Đào Minh Anh, trường THPT Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa ý tưởng sản phẩm là phát triển kinh tế và bảo vệ sức khỏe cho con người. Sản phẩm có nhiều chức năng như: tưới cây, phun thuốc sâu, cắt cỏ, gieo hạt, bón phân dạng hạt, xới đất... đặc biệt, đối với tất cả các công đoạn đều được sử dụng bằng điều khiển từ xa. Ngoài ra còn có một số sản phẩm đáng chú ý khác như thuốc trừ sâu sinh học của huyện Nậm Pồ, máy sấy thực phẩm, Lò đốt rác thân thiện với môi trường, máy gặt lúa sử dụng động cơ sẵn có.... Tuy các sản phẩm trên còn một số hạn chế về

thiết kế và kỹ thuật sử dụng nhưng đã phần ánh được tư duy sáng tạo đáng trân trọng của các tác giả.

- **Lĩnh vực Sản phẩm thân thiện với môi trường:** gồm 20 sản phẩm. Đáng chú ý là các sản phẩm: “Làm tranh bột từ sỏi đá và các nguyên liệu tự nhiên” của nhóm tác giả Chang Quỳnh Thoa và Sừng Giá Nu, trường Trung học dân tộc bán trú - THCS Leng Su Sìn, huyện Mường Nhé là một sự phát hiện độc đáo và thú vị về một loại chất liệu mới để làm tranh. Đặc biệt, bột màu được chế tạo từ nhiều loại đá với màu sắc khác nhau kết hợp với hồ dán chế biến từ bột gạo và bột sắn không chỉ có chi phí thấp mà các nguyên liệu này còn giúp tranh bền màu vĩnh viễn, gần gũi, thân thiện với môi trường xung quanh. Ngoài ra còn một số chế phẩm sản xuất từ cây cỏ thiên nhiên có thể mang lại giá trị sử dụng đối với sức khỏe con người cần được tiếp tục nghiên cứu phát triển.

- **Lĩnh vực Dụng cụ sinh hoạt gia đình và đồ chơi trẻ em:** có 34 sản phẩm. Đáng chú ý có một số sản phẩm như: Sản phẩm “Giá phơi tiện ích” của nhóm tác giả Bùi Mai Phương, Tống Hoàng Thu, trường Phổ thông Dân tộc bán trú THCS xã Mường Nhà, huyện Điện Biên với thiết kế đơn giản, dễ làm, tiện dụng, chi phí thấp song lại có tính ứng dụng cao, tích hợp nhiều công dụng và có thể phơi nhiều loại vật dụng như: quần áo, vở chăn, màn, chiếu... Khi không sử dụng làm sào phơi, sản phẩm được thu gọn để tận dụng làm mắc treo quần áo, kết hợp làm giá để giày dép. Trong điều kiện kinh tế ở các hộ gia đình vùng cao còn khó khăn như hiện nay, nguyên liệu để chế tạo ra sản phẩm này có thể dễ dàng được thay thế bằng tre hoặc gỗ.

Sản phẩm “Máy sàng phân loại hạt cà phê” của tác giả Hồ Việt Hiếu, trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, thành phố Điện Biên Phủ

với tính ứng dụng thực tiễn cao sẽ giúp người sản xuất vừa sàng, vừa phân loại được hạt cà phê theo 3 loại kích cỡ khác nhau. Việc thay thế sàng đan bằng nan tre chuyển sang sàng bằng máy vừa tiện dụng, tốn ít thời gian, vừa mang lại hiệu quả cao, góp phần phục vụ lao động sản xuất và bảo vệ sức khỏe của người sản xuất. Nhiều sản phẩm là các máy móc như máy hút bụi, các dụng cụ phục vụ cuộc sống hàng ngày đã được các tác giả dày công nghiên cứu thể hiện tư duy nhạy bén, khả năng nắm bắt thực tiễn của các tác giả.

- **Lĩnh vực Đồ dùng dành cho học tập:** Có 19 sản phẩm. Một số sản phẩm đáng chú ý như: Sản phẩm “Chuyến du hành trong tế bào” của tác giả Vũ Minh Anh, trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, thành phố Điện Biên Phủ là sự “lắp ghép” một cách khoa học, sống động bằng ứng dụng phần mềm All in one, autoplay Media studio 8.5, đây là bộ tư liệu đầy đủ nhất cho quá trình học tập chuyên đề sinh học từ các hình ảnh, video, flash về cấu trúc của tế bào kết hợp với các hình ảnh, video về một số thí nghiệm ảo chứng minh hoạt động chức năng của tế bào.

Sản phẩm “Sự chuyển động của Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng” là mô hình thu nhỏ theo đúng tỉ lệ của Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng trên thực tế, mô hình này giúp học sinh dễ dàng hình dung về Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng và các bài học có liên quan trong môn Địa lý... Mô hình thiết kế nhỏ gọn, nhẹ nhàng, dễ di chuyển, sử dụng chất liệu thân thiện với môi trường, trang trí đẹp mắt, sinh động sẽ thu hút học sinh chú ý vào bài học, giúp nâng cao chất lượng dạy và học tại nhà trường.

Sản phẩm “Hệ thống an toàn tự động cho cầu thang bộ” của nhóm tác giả Nguyễn Thanh Hiền, Lê Thảo Phương và Phạm Quang Hưng trường THCS Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ giúp làm tăng độ an toàn cho các



Bà Bùi Thị Quế Anh - Phó Giám đốc Sở Nội vụ trao hoa và giấy chứng nhận cho các tác giả, nhóm tác giả đoạt giải B của Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên - nhi đồng tỉnh Điện Biên lần thứ II, năm 2018

Ảnh: Thanh Hòa

cầu thang bậc truyền thống, giảm thiểu tai nạn thương tích do ngã cầu thang. Nhờ bộ cảm biến lực, cảm biến quang xử lý tín hiệu có thể theo dõi, phát hiện khi người đi bộ cầu thang bị ngã, để đưa ra tín hiệu điều khiển hệ thống thảm trải sàn cầu thang có túi khí tự động kích hoạt khi có người bị ngã, nhờ đó có thể giảm vận tốc và đặc biệt giảm tối đa lực va đập của người với mặt và bậc cầu thang. Sản phẩm có thể được áp dụng vào việc chế tạo các thiết bị an toàn cho cầu thang bộ trong trường học, gia đình, cơ quan... với mức chi phí phù hợp nhằm cải tiến cầu thang truyền thống thành cầu thang an toàn, thông minh phục vụ cuộc sống con người.

- **Lĩnh vực Phần mềm tin học:** có 4 sản phẩm. Nổi bật là sản phẩm “Học cùng Wiki” của của nhóm tác giả Phạm Vũ Tuấn Đạt, Hà Hoàng Linh, Nhâm Xuân Thành trường THCS Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, sản phẩm giúp khắc phục những điểm yếu

khi học vật lý thông thường trên lớp đồng thời kích thích, thu hút học sinh có hứng thú hơn với môn học. Phần mềm được tích hợp đầy đủ các công cụ hơn so với các phần mềm giáo dục hiện có, kèm giao diện đẹp mắt cùng khả năng ứng dụng vào thực tế cao. Bên cạnh đó, phần mềm còn có khả năng nâng cấp và phát triển với mọi môn học ở các cấp bậc khác nhau từ Tiểu học, THCS và THPT.

Những mô hình, sản phẩm Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Điện Biên lần thứ II, năm 2018 tuy còn ít so với tiềm năng của thanh, thiếu niên tỉnh nhà, nhưng đã thực sự có sức sống, phản ánh sự phát triển của khoa học kỹ thuật. Nhiều mô hình sản phẩm có giá trị kinh tế - xã hội có khả năng ứng dụng rộng rãi trong giảng dạy, học tập và đời sống. Các sản phẩm dự thi là những ý tưởng, sáng tạo mới đa dạng, là niềm tự hào của các nhà sáng tạo trẻ tỉnh nhà. Thông qua cuộc thi này các nhà sáng

tạo trẻ, các nhà khoa học tương lai tự tin hơn trong học tập, tiếp tục sáng tạo và ứng dụng sáng tạo vào học tập, sản xuất và đời sống. Cuộc thi đã ghi nhận nhiều sản phẩm xuất phát từ những vấn đề thực tiễn lao động, học tập, vui chơi cần phải giải quyết. Các tác giả đã đưa ra những giải pháp tương đối khoa học, hợp lý và khá phù hợp với thực tiễn, giải quyết được vấn đề đặt ra với phương châm tiết kiệm, hiệu quả và giảm tác hại đến môi trường, đời sống con người và nhiều ý nghĩa thực tiễn khác.

Kết quả, Ban Tổ chức đã chọn được 35 sản phẩm để trao giải, bao gồm: 05 giải A, 05 giải B, 10 giải C và 15 giải khuyến khích. Ban Tổ chức chọn 05 sản phẩm tiêu biểu tham dự Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng toàn quốc lần thứ 14, năm 2018 đó là: Sản phẩm “Giá phơi tiện ích” của nhóm tác giả Bùi Mai Phương, Tống Hoàng Thu trường PTDTBT- THCS xã Mường Nhà, huyện Điện Biên; sản phẩm “Hệ thống an toàn tự động cho cầu thang bộ” của nhóm tác giả Nguyễn Thanh Hiền, Phạm Quang Hưng, Lê Thảo Phương trường THCS Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ; sản phẩm Album “A Tour of the cell” (Chuyến du hành trong tế bào) của tác giả Vũ Minh Anh trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, thành phố Điện Biên Phủ, sản phẩm “Học cùng Wiki” của nhóm tác giả Phạm Vũ Tuấn Đạt, Hà Hoàng Linh, Nhâm Xuân Thành trường THCS Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, sản phẩm “Làm tranh bằng bột đá và các nguyên liệu tự nhiên” của nhóm tác giả Chang Quỳnh Thoa, Sùng Giá Nu trường PTDTBT – THCS Leng Su Sìn, huyện Mường Nhé.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hiện nay việc tổ chức Cuộc thi vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc như: Công tác tuyên truyền, định hướng hỗ trợ thanh thiếu niên, nhi đồng tham gia Cuộc thi của một số ít địa

phương còn hạn chế nên chưa phát huy được hết tiềm năng tư duy sáng tạo của lứa tuổi thanh thiếu niên, nhi đồng: Số ít cơ sở chưa nhận thức sâu sắc về mục đích, ý nghĩa của Cuộc thi nên số lượng mô hình, sản phẩm dự thi còn hạn chế về số lượng cũng như chất lượng. Một số sản phẩm chưa được cố định vận chuyển đi xa bị hư hỏng, không vận hành được nên phần nào hạn chế thời gian của Hội đồng chấm thi. Các sản phẩm mang tính trí tuệ cao như: phần mềm tin học, tự động hóa, sản phẩm của thanh niên các trường chuyên nghiệp và trường nghề chưa nhiều.

Bác Hồ từng nhấn nhủ các nhà khoa học trong nước là “Khoa học phải từ sản xuất mà ra và quay trở lại phục vụ sản xuất”, có thể thấy điều này đã được thể hiện trong phần lớn các sản phẩm dự thi của các em thanh, thiếu niên, nhi đồng của tỉnh, nhiều em đã lấy tình yêu cuộc sống làm nguồn cảm hứng sáng tạo và gửi gắm tình yêu quê hương, đất nước, yêu biển đảo vào trong các sản phẩm phục vụ chính công việc học tập và cuộc sống hàng ngày như: Chuyến du hành trong tế bào, Sự chuyển động của Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng, Giá phơi tiện ích, Hệ thống an toàn tự động cho cầu thang bộ, Máy sàng phân loại hạt cà phê, Mô hình làm vườn đa năng... Điều đáng mừng là thông qua Cuộc thi đã giúp các em hiểu, sáng tạo không phải là những gì lớn lao, sáng tạo có thể là việc rất bình thường nhưng giúp giải quyết được những vướng mắc trong cuộc sống hàng ngày, hay làm tăng hiệu quả công việc.

Tham gia Cuộc thi Sáng tạo thanh, thiếu niên, nhi đồng toàn tỉnh, các em nhỏ sẽ có điều kiện được giao lưu, học hỏi các kỹ năng thuyết trình cho sản phẩm sáng tạo và được rèn luyện tính mạnh dạn, tự tin trong các cuộc thi nói riêng và trong cuộc sống nói chung, làm nên tảng cho hành trình làm chủ đất nước sau này.

Để cuộc thi được tổ chức đều đặn hàng năm với quy mô và chất lượng ngày càng cao, trong thời gian tới, hy vọng các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh sẽ quan tâm, động viên tinh thần và tích cực hỗ trợ vật chất để các em thanh thiếu niên nhi đồng được tham gia

sân chơi trí tuệ bổ ích này để có cơ hội biến những ý tưởng sáng tạo thành mô hình, sản phẩm cụ thể đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống.

**Phạm Liên**

Phòng Kế hoạch - Quản lý khoa học

## KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7, KHÓA X VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN Ở ĐIỆN BIÊN

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NĐ/TW ngày 5/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 6/11/2008 của Tỉnh ủy Điện Biên về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, nhận thức của cán bộ và người dân về nông nghiệp, nông dân và nông thôn trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến rõ nét; nông nghiệp tiếp tục được phát triển với tốc độ khá; năng suất, chất lượng các loại cây trồng, vật nuôi từng bước được nâng cao; an ninh lương thực được đảm bảo, có một phần sản phẩm hàng hóa phục vụ thị trường trong và ngoài tỉnh; chăn nuôi phát triển ổn định, tăng nhanh về số lượng đàn và sản lượng thương phẩm. Kết quả thực hiện nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở tỉnh Điện Biên đạt được cụ thể như sau:



Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ thăm mô hình trồng rau sạch của gia đình ông Lê Minh Điều đội 5, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên.

Ảnh: Sưu tầm

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, gắn sản xuất với chế biến tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, công nghệ sinh học, thủy lợi hoá, cơ giới hoá, thông tin hoá, thay đổi tập quán canh tác lạc hậu để sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản. Sản xuất

nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có bước tiến đáng kể; năm 2017, đóng góp vào GRDP từ khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản đạt 2.000.530 triệu đồng, chiếm 20,76%, tăng 4 lần so với năm 2008 (500.540 triệu đồng). Cơ cấu kinh tế nội ngành tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực; năm 2017, giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt đạt 35,72 triệu đồng, tăng gấp 2,32 lần so với năm 2008 (15,39 triệu đồng), giá trị sản phẩm trên 1ha đất mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 62,47 triệu đồng, tăng gấp 3,35 lần so với năm 2008 (18,64 triệu đồng). Sản xuất nông nghiệp đã đảm bảo an ninh lương thực, ổn định cuộc sống nhân dân; công tác xóa đói giảm nghèo tiếp tục được quan tâm. Tổng sản lượng lương thực trên địa bàn tỉnh năm 2017 đạt 257.971 tấn, tăng gấp 1,29 lần (tăng 58.181 tấn) so với năm 2008.

Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện từ năm 2011; sau 08 năm thực hiện (đến hết năm 2017), đã có 16/116 xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới (13 xã đạt chuẩn và 03 xã cơ bản đạt chuẩn), số tiêu chí bình quân là 6,78 tiêu chí/xã, tăng 5,38 tiêu chí/xã so với năm 2011. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 12,6 triệu đồng/người/năm, tăng gấp 2,84 lần so với năm 2008.

Công tác xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội luôn được quan tâm. Ưu tiên thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn, sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới, thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số phát triển sản xuất, đào tạo nghề, xuất khẩu lao động; tỷ lệ hộ nghèo ở vùng nông thôn năm 2017 là 49,01% giảm 8,48% so với năm 2015 (theo chuẩn nghèo mới áp dụng cho giai đoạn 2016-2020), bình



Đồng chí Bùi Hải Bình - Phó Chủ tịch UBND huyện Điện Biên tham quan mô hình trồng cây Đương quy, Bạch chỉ tại xã Noong Luống, huyện Điện Biên

Ảnh: Đức Minh

quân giảm 4,24%/năm. Giai đoạn 2008 - 2018, trên địa bàn tỉnh đã và đang triển khai nhiều chương trình, dự án hỗ trợ giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân, như: Chương trình 135, Chương trình 30a, Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2014, Quyết định số 1592/QĐ-TT ngày 12/10/2009, Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013, Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009, Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ...

Hệ thống cơ sở y tế tiếp tục được tăng cường, chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh được nâng lên. Hệ thống trạm y tế xã tiếp tục phát triển cả về số lượng, chất lượng và trình độ chuyên môn của đội ngũ y bác sĩ, cũng như cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh. Có 72 trạm y tế được đầu tư xây mới, 35 trạm y tế được nâng cấp, sửa chữa; 06 bệnh viện tuyến huyện được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa 02 bệnh viện, 06 phòng khám đa khoa khu vực xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, đã cơ bản đáp ứng cơ sở vật chất cho tuyến y tế

cơ sở. Số xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế là 72 xã, chiếm 55,38%. Tỷ lệ bác sỹ/vạn dân tăng từ 5,4 bác sỹ (năm 2008) lên 12,2 bác sỹ (năm 2017). Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 25,5% năm 2008 xuống còn 17,56% năm 2017.

Mạng lưới trường học, cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được đầu tư xây dựng, cơ bản đáp ứng với yêu cầu dạy và học. Đến nay, có 130/130 xã có trường mầm non, 127/130 xã có trường tiểu học, trường THCS, trung tâm cụm xã và trung tâm huyện, thị xã, thành phố có trường THPT. Toàn tỉnh hiện có 256 trường với 186.053 học sinh, sinh viên. Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 60,9%. Duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở và hoàn thành phổ cập mầm non cho trẻ 05 tuổi. Toàn tỉnh có 301 trường mầm non và phổ thông đạt chuẩn quốc gia, chiếm 60,3%; 247 trường được cấp giấy chứng nhận giáo dục, chiếm 49,5%.

Hệ thống nhà văn hóa xã, thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân hội họp và sinh hoạt văn hóa. Đầu tư xây mới 5 nhà văn hóa cấp huyện, 41 nhà văn hóa cấp xã, 377 nhà văn hóa thôn bản. Phát huy gìn giữ các giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc trong tỉnh; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên, phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

Tiếp tục đổi mới, phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác phù hợp với nguyên tắc tổ chức của hợp tác xã và cơ chế thị trường; chú trọng phát triển các mô hình hợp tác trong nông nghiệp, tăng cường cơ giới hóa các khâu của quy trình sản xuất; phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản, vận chuyển sau thu hoạch. Toàn tỉnh có 38 trang trại đạt các tiêu chí trang trại theo quy định, 121 HTX nông

nh nghiệp, 399 tổ hợp tác hoạt động lĩnh vực nông nghiệp. Hình thành các chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm giữa nông dân và doanh nghiệp: liên kết trong sản xuất, chế biến lúa gạo chất lượng cao, chè, cao su, gỗ nguyên liệu; liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và nông dân theo chuỗi giá trị.

Ứng dụng khoa học và công nghệ vào lĩnh vực nông nghiệp đã tạo ra nhiều mô hình, giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế, góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng kinh tế hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân, thực hiện phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững. Có 160 đề tài, dự án được phê duyệt triển khai thực hiện, trong đó 96 đề tài thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp thủy sản, chiếm 60%. Hoạt động ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp được tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Đã tiến hành khảo nghiệm, thử nghiệm và đưa nhiều loại cây trồng, vật nuôi mới. Có nhiều công nghệ mới được đưa vào ứng dụng trong thực tế sản xuất như: Sản xuất giống nuôi cấy mô, ứng dụng công nghệ khí canh, ứng dụng công nghệ trong tưới nhỏ giọt, tưới phun...

Ban hành nhiều chính sách hỗ trợ sản xuất, chính sách kêu gọi đầu tư, huy động các nguồn lực đầu tư vào phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn như: Chính sách hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản; hỗ trợ phát triển cây cao su; hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt; chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn,... nhằm huy động nguồn lực toàn xã hội cho phát triển kinh tế nông thôn. Đến nay, tỉnh có 50/1.180 doanh nghiệp thực tế đang hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản số doanh nghiệp, chiếm 4,23% số doanh nghiệp của tỉnh.

Hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được

củng cố, kiện toàn. Đến nay 100% số xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định; chính quyền cấp xã được củng cố, kiện toàn về tổ chức bộ máy; chất lượng hoạt động nâng lên, có 14/116 xã đạt tiêu chí số 18 về xã nông thôn mới.

Bên cạnh những kết quả đạt được việc thực hiện nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân và nông thôn ở tỉnh Điện Biên vẫn còn có một số tồn tại, hạn chế đó là: Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu kinh tế nông nghiệp tuy có bước phát triển nhưng chưa đều, chưa vững chắc; sản xuất hàng hóa bước đầu đã đạt được một số kết quả tích cực, song sản lượng chưa nhiều, chất lượng chưa ổn định, chưa tạo tính bền vững trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; ứng dụng, chuyển giao các thành tựu khoa học công nghệ còn chậm; việc nhân rộng thành quả dự án chuyển giao tiến bộ kỹ thuật còn hạn chế; hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn chưa đồng bộ, còn yếu kém; năng lực thích ứng, đối phó với thiên tai còn nhiều hạn chế; tỷ lệ hộ nghèo còn ở mức cao, đời sống nông dân còn gặp nhiều khó khăn; Tình trạng ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường sống của cộng đồng xảy ra ở một vài nơi; Đào tạo nghề chưa gắn với giải quyết việc làm và nhu cầu thị trường, chất lượng lao động qua đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu, số lượng lao động nông nghiệp được chuyển dịch các ngành nghề khác còn thấp.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông thôn, nông dân, trong giai đoạn từ nay đến năm 2030, tỉnh Điện Biên đặt ra các mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và 2030 để thực hiện.

+ Về nông nghiệp: Phân đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 4% năm. Giá trị sản phẩm/01ha đất canh tác bình quân năm 2025 đạt trên 50 triệu đồng; đến năm

2030, đạt 75 triệu đồng; Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2025 đạt trên 280.000 tấn; đến năm 2030 đạt trên 310.000 tấn. Năm 2025 tỷ lệ che phủ rừng đạt 45%; đến năm 2030 tỷ lệ che phủ rừng đạt 48%.

+ Về nông thôn: Đến năm 2025, 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm đi lại được quanh năm; trên 85% hộ dân sống ở vùng nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; duy trì và nâng cao tiêu chí chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, THCS mức độ 2; đạt 32 giường bệnh viện, 13 bác sĩ, 2,5 dược sĩ đại học, 25 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; trên 90% dân số được quản lý sức khỏe, đến năm 2030 tỷ lệ số hộ được dùng nước sinh hoạt ở khu vực nông thôn đạt trên 95%; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; đạt 34 giường bệnh viện, 14 bác sĩ, 30 dược sĩ đại học, 33 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe.

+ Về nông dân: Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2025 tăng từ 1,8-2 lần so với năm 2016; đến năm 2030 thu nhập bình quân đầu người vùng nông thôn cao gấp 2,2 lần so với năm 2020; mỗi năm đào tạo nghề cho 7.800-8.000 lao động.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, tỉnh Điện Biên đặt ra 11 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện, trong đó tập trung vào đẩy mạnh tái cơ cấu, phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại; đẩy mạnh phát triển các ngành nghề, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại; giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội cho cư dân nông thôn; bảo vệ tài nguyên, môi trường, nâng cao khả năng



thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; đổi mới cơ chế, chính sách và tổ chức sản xuất ở nông thôn thúc đẩy phát triển nông thôn gắn với xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho nông thôn; phát triển khoa học và công nghệ; chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao

năng lực bộ máy quản lý nhà nước, đổi mới phương thức quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp.

**Thanh Hòa** (Biên soạn theo báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết TW7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn)

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

## SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC HIỆN THƯỜNG XUYÊN VIỆC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**T**rong thời gian qua, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên đã có nhiều nỗ lực trong công tác cải cách hành chính, qua đó từng bước hiện đại hóa nền thủ tục hành chính, hướng tới sự hài lòng của người dân và tổ chức. Để tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu công khai minh bạch và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị và công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và kế hoạch thông tin tuyên truyền cải cách hành chính năm 2018.

Để thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, trong thời gian qua, Sở Khoa học và Công nghệ cũng đã đăng tải đầy đủ các quy trình, biểu mẫu, hồ sơ liên quan như: các biểu mẫu hồ sơ, các văn bản quy phạm pháp luật, danh mục thủ tục hành chính (các lĩnh vực khoa học công nghệ; Sở hữu trí tuệ; Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ, hạt nhân; Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) dịch vụ công trực

tuyến... trên cổng thông tin điện tử của Sở.

Theo kế hoạch đề ra, Sở Khoa học và Công nghệ xác định gắn công tác kiểm soát thủ tục hành chính với cải cách thể chế, theo dõi thi hành pháp luật và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, nhất là văn bản pháp luật có chứa quy định hành chính, thủ tục hành chính, đảm bảo sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp.

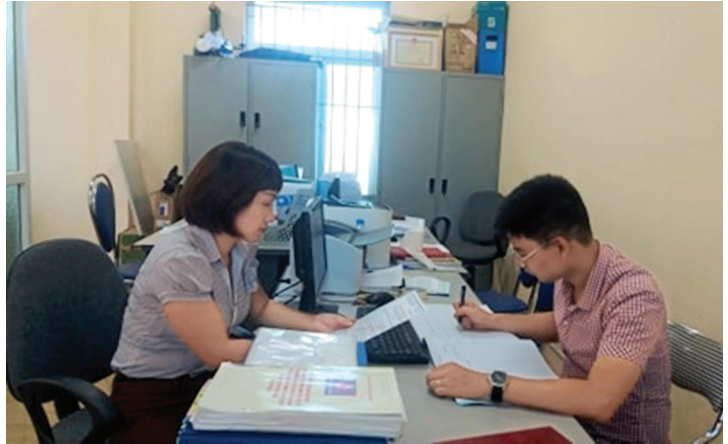
Để thực hiện tốt việc kiểm soát thủ tục hành chính, theo kế hoạch đề ra, Sở yêu cầu các đơn vị xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các phòng chuyên môn, đơn vị, của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện thủ tục hành chính, tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Ngoài ra, công tác kiểm soát thủ tục hành chính phải được thực hiện thường xuyên, liên tục nghiêm túc và đảm bảo đúng quy định. Đồng thời có hình thức động viên, khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

Năm 2018, Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện tốt công tác cải cách hành chính trong toàn ngành, chỉ số cải cách hành

chính của ngành được nâng cao (đạt 45/62 điểm) đứng thứ 8 trong khối các Sở, ban, ngành của tỉnh. Để tiếp tục duy trì và nâng cao chỉ số cải cách hành chính của ngành, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức đến giao dịch, đầu năm 2018 Sở Khoa học và Công nghệ đã tiến hành rà soát các quy định hành chính, trên cơ sở đó tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ (Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 26/4/2018). Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ luôn được cập nhật, công khai kịp thời tại bộ phận một cửa và trên trang thông tin điện tử của ngành tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

Để tiếp tục từng bước hiện đại hóa thủ tục hành chính, ngành sẽ tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng hệ thống thông tin trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tiến hành thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ (gồm 48 thủ tục hành chính), tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, theo dõi tình hình kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các phòng, đơn vị đảm bảo tất cả các thủ tục hành chính đều giải quyết theo cơ chế một cửa.

Nhằm tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức trách nhiệm của tổ chức thực hiện cải cách thủ tục hành chính của công chức, viên chức ngành khoa học, nâng cao nhận thức về cải cách hành chính, tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp trong triển khai thủ tục hành chính của các đơn vị, Sở Khoa học và



Thủ tục hành chính tại Sở Khoa học và Công nghệ đều được giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Ảnh: Thanh Hòa

Công nghệ cũng triển khai thực hiện kế hoạch thông tin tuyên truyền cải cách hành chính. Theo đó, công tác thông tin tuyên truyền chú trọng vào việc phổ biến tuyên truyền đầy đủ kịp thời, liên tục, chú trọng biểu dương các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, có sáng kiến, sáng tạo trong công tác cải cách thủ tục hành chính. Tuyên truyền cải cách hành chính gắn với thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

Việc đẩy mạnh tuyên truyền cải cách thủ tục hành chính được thực hiện chủ yếu thông qua công khai các thủ tục hành chính, kết quả giải quyết hồ sơ, các văn bản chỉ đạo của sở, của UBND tỉnh về công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trên cổng thông tin điện tử của sở. Chỉ đạo trong các hội nghị giao ban, bằng văn bản để các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện. Thực hiện nghiêm yết công khai các thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, hình thức công khai rõ ràng, đúng quy định, thuận lợi cho việc tìm hiểu, tra cứu thông tin đối với người dân, đơn vị doanh nghiệp khi đến nộp hồ sơ, thủ tục...

**Bùi Thị Nhung**

Chi cục Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng

## QUẢN LÝ VÀ TỪNG BƯỚC PHÁT TRIỂN CHỈ DẪN ĐỊA LÝ “ĐIỆN BIÊN”

Nói đến Điện Biên là nhắc đến trang lịch sử hào hùng về chiến thắng Điện Biên Phủ “lấy lòng năm châu, chấn động địa cầu”. Nơi có cánh đồng Mường Thanh rộng bao la, dòng sông Nậm Rốm đầy ắp phù sa. Đây là đồng bằng giữa núi lớn nhất vùng Tây Bắc Việt Nam với câu truyền khẩu từ xa xưa: Nhất Thanh (Mường Thanh – Điện Biên Phủ), nhì Lò (Mường Lò – Yên Bái), tam Than (Mường Than – Lai Châu), tứ Tắc (Mường Tắc – Sơn La) để nói về 4 vựa lúa trù phú và có gạo ngon bậc nhất vùng Tây Bắc. Cánh đồng Mường Thanh với điều kiện đất đai màu mỡ, bằng phẳng, thời tiết khí hậu thuận lợi cho cây lúa phát triển. Từ đó sản sinh ra đặc sản nổi tiếng của địa phương mà nhiều người tiêu dùng trong nước biết đến là gạo Điện Biên. Với những ai đã từng được nếm thử hương thơm hấp dẫn, mùi vị ngon, dẻo mềm đặc sản của núi rừng Tây Bắc sẽ nhớ mãi không quên.

Chỉ dẫn địa lý (geographical indication hay GI là những chỉ dẫn về hàng hoá bắt nguồn từ lãnh thổ của một thành viên hoặc từ khu vực hay địa phương thuộc lãnh thổ đó, có chất lượng, uy tín hoặc đặc tính nhất định chủ yếu do xuất xứ địa lý. Chỉ dẫn địa lý (CDĐL) “Điện Biên” dùng cho sản phẩm gạo Bắc thơm số 7 và IR64 của tỉnh Điện Biên là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm gạo Bắc thơm số 7 và IR64 có nguồn gốc xuất xứ từ vùng lãnh thổ CDĐL đã được Cục Sở hữu trí tuệ đăng bạ theo Quyết định số 3340/QĐ-SHTT ngày 25/09/2014. CDĐL “Điện Biên” đối với sản phẩm gạo Bắc thơm số 7 và IR64 gắn với những lợi thế về điều kiện tự nhiên, điều kiện sản xuất, đặc trưng về chất lượng và danh tiếng của sản phẩm. Chỉ tiêu chất lượng đặc thù sản phẩm gạo IR64 mang CDĐL “Điện Biên”: Hàm lượng protein: 7,26 - 8,55%; Hàm lượng Amylose: 15,4 - 18,2%; Hàm

lượng tinh bột: 79,0 - 84,2%, cơm IR64 có mùi thơm nhẹ, vị đậm, mềm và dẻo khi ăn. Chỉ tiêu chất lượng đặc thù sản phẩm gạo Bắc thơm số 7 mang CDĐL “Điện Biên”: Hàm lượng protein: 7,32 - 9,11%; Hàm lượng Amylose: 12,28 - 14,54%; Hàm lượng tinh bột: 76,66 - 83,68%, cơm Bắc thơm số 7 có mùi thơm đậm, đặc trưng, vị đậm và dẻo.

Danh tiếng của gạo Điện Biên từng bước được mở rộng, sản phẩm ngày càng được ưa chuộng, thị trường ngày càng được mở rộng. Gạo Điện Biên đã trở thành một sản vật, niềm tự hào của người dân Điện Biên. Tuy nhiên, cùng với đó vì chạy theo lợi nhuận một số tư thương đã pha trộn các loại gạo khác bán ra thị trường với mác gạo Điện Biên làm ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu gạo Điện Biên, nếu để tình hình này tiếp diễn, người tiêu dùng sẽ mất niềm tin vào sản phẩm và từ đó tiêu thụ ở thị trường trong nước sẽ bị sụt giảm nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới thu nhập của người nông dân khu vực mang CDĐL người sản xuất kinh doanh gạo Điện Biên chân chính.

Vì vậy, để giữ vững và tăng cường quản lý, phát triển thương hiệu gạo Điện Biên. UBND tỉnh Điện Biên (tổ chức quản lý CDĐL “Điện Biên”) đã ban hành Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND, ngày 28/3/2016, về việc Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng CDĐL Điện Biên dùng cho gạo Bắc thơm số 7, IR64 của tỉnh Điện Biên.

Theo đó, các cơ sở sản xuất kinh doanh sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL “Điện Biên” khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL “Điện Biên”, đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: Thành lập hợp pháp (nếu là tổ chức); có hoạt động sản xuất (bao gồm

một hoặc một số công đoạn của quá trình sản xuất), kinh doanh gạo trong khu vực địa lý được đăng bạ theo Giấy Chứng nhận đăng ký CDĐL “Điện Biên”; sản phẩm gạo phải đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật về chất lượng đặc thù được Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Sở Khoa học và Công nghệ cấp giấy xác nhận đủ điều kiện mang CDĐL “Điện Biên” và tuân thủ đầy đủ quy trình kỹ thuật canh tác, thu hoạch, xử lý, chế biến, đóng gói, bảo quản, quản lý chất lượng sản phẩm gạo Điện Biên quy định.

Sở Khoa học và Công nghệ (cơ quan được UBND tỉnh Điện Biên trao quyền quản lý CDĐL “Điện Biên” dùng cho sản phẩm gạo Bắc thơm số 7 và IR64) sẽ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL “Điện Biên”. Khi đó, các cơ sở được cấp Giấy phép sử dụng CDĐL “Điện Biên” có các quyền lợi:

1. Được gắn logo và các yếu tố liên quan đến CDĐL “Điện Biên” trên sản phẩm gạo hoặc trên biển hiệu kinh doanh của tổ chức cùng với nhãn hiệu của riêng tổ chức đó.

2. Tiến hành dịch vụ dưới tên gọi, logo hoặc gắn tên gọi, logo CDĐL “Điện Biên” trên phương tiện dịch vụ.

3. Được tham gia vào các chương trình và hoạt động quảng bá CDĐL “Điện Biên”.

4. Được thực hiện các quyền tự bảo vệ gồm:

a) Yêu cầu các cơ sở vi phạm phải chấm dứt ngay các hành vi vi phạm CDĐL “Điện Biên” đã được Nhà nước bảo hộ;

b) Ngăn cấm người khác sử dụng CDĐL theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 123 của Luật Sở hữu trí tuệ;

c) Yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền lợi hợp pháp đối với CDĐL “Điện Biên” bị vi phạm;

d) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, xử lý các hành vi



Mẫu logo chỉ dẫn địa lý “Điện Biên”

vi phạm CDĐL; các hành vi làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực địa lý mang CDĐL “Điện Biên” đã được bảo hộ.

5. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đồng thời các cơ sở này có trách nhiệm: Tuân thủ Quy chế quản lý và sử dụng CDĐL “Điện Biên”; cam kết đảm bảo duy trì danh tiếng, chất lượng và đặc tính chủ yếu vốn có của sản phẩm gạo mang CDĐL “Điện Biên”; đảm bảo chất lượng dịch vụ, uy tín và hình ảnh của tổ chức đại diện; đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng; cam kết nâng cao chất lượng và tham gia quảng bá sản phẩm gạo mang CDĐL “Điện Biên”; thực hiện nghiêm túc các quy trình kỹ thuật bắt buộc trong sản xuất sản phẩm gạo mang CDĐL “Điện Biên”; thực hiện đúng các quy định về in ấn, quản lý, sử dụng nhãn hiệu sản phẩm mang CDĐL “Điện Biên”; chấp hành nghiêm túc các quyết định xử lý vi phạm về CDĐL của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bảo vệ môi trường của khu vực địa lý, nơi canh tác, sản xuất sản phẩm gạo mang CDĐL “Điện Biên”; không được phép chuyển nhượng quyền sử dụng CDĐL “Điện Biên” và các loại nhãn, bao bì, giấy xác nhận chất lượng được cấp đối với sản phẩm gạo cho các tổ chức, cá nhân khác.

Có thể nói, được cấp chứng nhận đăng ký CDĐL “Điện Biên” đối với sản phẩm gạo

IR64 và Bắc thơm số 7 là một sự nỗ lực rất lớn nhằm được Cục SHTT bảo vệ về mặt pháp lý và là những bước đầu để phát triển thương hiệu sản phẩm. Tuy nhiên, để CDĐL thực sự mang lại giá trị cho người nông dân thì rất cần nỗ lực, chung tay vào cuộc của chủ sở hữu, các cơ quan quản lý và doanh nghiệp nhằm thực hiện các hoạt động thương mại hoá sản phẩm, đầu tư quảng bá sản phẩm và tạo danh tiếng cho sản phẩm ở trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, cũng cần tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của sản phẩm cho những người nông dân trong vùng đặc sản để họ luôn giữ chất lượng sản phẩm, hàng hoá, tạo uy tín và niềm tin cho người tiêu dùng.

Về vấn đề này, bà Hoàng Thị Hiên - Giám đốc Công ty TNHH Safe Green cho biết: Công ty rất vinh dự khi là doanh nghiệp đầu tiên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL “Điện Biên” đối với sản phẩm gạo “Bắc thơm số 7” (Quyết định số 491/QĐ-SKH-CN, ngày 06/7/2018 của Sở Khoa học và Công nghệ, về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDĐL “Điện Biên”). Công ty cam kết nâng cao chất lượng và tham gia quảng bá sản phẩm gạo mang CDĐL “Điện Biên” góp

phần mở rộng thị trường đưa sản phẩm gạo đảm bảo chất lượng đặc thù theo chỉ dẫn địa lý đến với người tiêu dùng.

Với diện tích lúa 15ha, sản lượng bình quân hàng năm 100 tấn/năm. Công ty đã thực hiện theo mô hình sản xuất theo chuỗi an toàn, tăng cường liên kết trong sản xuất trên cánh đồng Mường Thanh. Cung ứng cho bà con nông dân trong bản đồ khu vực địa lý được bảo hộ từ giống, phân bón, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, thu hoạch, bảo quản đảm bảo sản phẩm gạo Bắc thơm số 7 của công ty có chất lượng đảm bảo các chỉ tiêu chất lượng đặc thù của CDĐL.

Công ty cũng mong muốn trong thời gian tới, UBND tỉnh, các sở ngành liên quan có những cơ chế chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp trong việc quảng bá, phát triển CDĐL “Điện Biên” đến gần hơn với người tiêu dùng. Đồng thời, tăng cường các biện pháp mạnh tay, hiệu quả hơn nữa đối với các sản phẩm, các thương nhân không được đủ điều kiện nhưng vẫn sử dụng CDĐL “Điện Biên”.

**Hoàng Châu**

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

## QUY CHẾ PHỐI HỢP GIỮA 3 BỘ VỀ XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

**N**gày 8/8/2018, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), Bộ Công Thương (CT) đã tổ chức ký kết Quy chế phối hợp về xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý (CDĐL).

Quy chế phối hợp về xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý được đưa ra để bảo đảm sự phối hợp thống nhất, hiệu quả giữa Bộ KH&CN, Bộ NN&PTNT, Bộ CT trong công tác xây dựng và

quản lý CDĐL của Việt Nam; góp phần tích cực trong quản lý nhà nước về CDĐL, hiệu quả kinh tế - xã hội của bảo hộ CDĐL, nhận thức của người sản xuất và tiêu dùng đối với sản phẩm mang CDĐL; nâng cao hiệu quả hoạt động sử dụng CDĐL của các tổ chức, cá nhân, hiệu quả trong hoạt động liên kết vùng để phát triển các sản phẩm chủ lực của liên tỉnh, liên vùng góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị sản phẩm trên thị trường

trong và ngoài nước; góp phần triển khai hiệu quả các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các tuyên bố chung của Việt Nam với các nước liên quan đến CDĐL.

Quy chế phối hợp xây dựng và quản lý CDĐL giữa ba Bộ gồm có một số nội dung cơ bản như sau:

**(1) Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến CDĐL**

- Phối hợp trong các hoạt động: Rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới chính sách, pháp luật về bảo hộ và bảo vệ quyền đối với CDĐL.

- Tham gia Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập hoặc kịp thời đóng góp ý kiến cho các văn bản xây dựng cơ chế, chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến hoạt động xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý và sản phẩm mang CDĐL.

- Trao đổi thông tin về hoạt động xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến xây dựng và quản lý CDĐL và sản phẩm mang CDĐL được bảo hộ.

**(2) Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ khác có liên quan đến CDĐL**

- Bộ KH&CN: Cập nhật danh sách hàng năm các sản phẩm mang CDĐL được bảo hộ. Kịp thời cập nhật và công bố các CDĐL được bảo hộ trên cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN.

- Bộ NN&PTNT: Tham vấn ý kiến của Bộ KH&CN, Bộ CT các nội dung liên quan đến xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại các sản phẩm đặc thù của địa phương dưới



Đại diện lãnh đạo ba Bộ ký kết Quy chế phối hợp xây dựng và quản lý CDĐL

Ảnh: Sưu tầm

hình thức CDĐL; Chủ trì, phối hợp tổ chức các kỳ đánh giá, xếp hạng sản phẩm thuộc “Chương trình mỗi xã một sản phẩm”; ưu tiên và đẩy mạnh các kế hoạch xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm đã được bảo hộ CDĐL nhằm phát triển thị trường.

- Bộ Công Thương: Tham vấn ý kiến của Bộ KH&CN, Bộ NN&PTNT các nội dung liên quan đến xây dựng và phát triển thương hiệu ngành hàng, thương hiệu cho các sản phẩm đặc thù của địa phương gắn với CDĐL thuộc Chương trình Thương hiệu quốc gia, Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia và các chương trình, đề án, dự án do Bộ Công Thương chủ trì; ưu tiên và đẩy mạnh các kế hoạch xúc tiến thương mại trong nước và nước ngoài đối với các sản phẩm đã được bảo hộ CDĐL nhằm phát triển thị trường trong nước và quốc tế.

- Bộ KH&CN, Bộ NN&PTNT và Bộ CT: Chủ động tổ chức và phối hợp triển khai, theo dõi thực hiện chính sách, pháp luật, chương trình, đề án, dự án và các văn bản khác có nội dung liên quan đến hoạt động xây dựng và quản lý CDĐL và sản phẩm mang CDĐL được bảo hộ; phối hợp xây dựng và

triển khai kế hoạch thực hiện các cam kết trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các tuyên bố chung của Việt Nam với các nước về CDĐL; hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, các Sở KH&CN, Sở NN&PTNT, Sở CT lồng ghép chính sách, giải pháp hỗ trợ quản lý sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý vào các chính sách, chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, xúc tiến thương mại các sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản và tiểu thủ công nghiệp của ngành và địa phương trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao.

### **(3) Phối hợp phát hiện, ngăn chặn, kiểm soát và xử lý hành vi xâm phạm quyền đối với CDĐL trên thị trường**

Bộ KH&CN cung cấp ý kiến chuyên môn liên quan đến phạm vi bảo hộ và xác định yếu tố xâm phạm quyền đối với CDĐL khi nhận được yêu cầu từ Bộ CT.

Bộ CT chủ trì tổ chức tập huấn, đào tạo phổ biến kiến thức về CDĐL được bảo hộ cho lực lượng quản lý thị trường.

Các Bộ chủ động tổ chức và phối hợp trong phát hiện, ngăn chặn, kiểm soát và xử lý hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với CDĐL trên thị trường.

### **(4) Phối hợp hỗ trợ xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ, quản lý CDĐL**

- Bộ NN&PTNT tạo điều kiện cho các tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc tham gia hỗ trợ các địa phương trong hoạt động nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng hồ sơ đăng ký CDĐL theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn các Sở trực thuộc trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình hỗ trợ cung cấp số liệu, tài liệu liên quan nhằm hỗ trợ quá trình đăng ký bảo hộ CDĐL đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương như

tài liệu, số liệu về văn hóa, lịch sử, quá trình hình thành của sản phẩm.

Các Sở thuộc ba Bộ cử cán bộ tham gia, phối hợp, đóng góp ý kiến cho quá trình xây dựng hồ sơ, quản lý CDĐL của địa phương; tham mưu, tư vấn cho cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý của địa phương về chính sách hỗ trợ xây dựng và quản lý CDĐL; tham gia tổ chức thực hiện chính sách về quản lý CDĐL.

### **(5) Hội đồng Tư vấn CDĐL**

Hội đồng Tư vấn CDĐL được thành lập nhằm tư vấn cho Bộ trưởng Bộ KH&CN, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT, Bộ trưởng Bộ CT và các cơ quan liên quan về xây dựng và quản lý CDĐL ở Việt Nam.

### **(6) Cơ quan đầu mối thực hiện Quy chế phối hợp về xây dựng và quản lý CDĐL**

Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN, Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản - Bộ NN&PTNT và Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Công Thương là cơ quan đầu mối, điều phối các hoạt động phối hợp với các Bộ thực hiện Quy chế này.

Quy chế phối hợp giữa 3 Bộ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là cơ sở để các Bộ tập trung nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, hỗ trợ các CDĐL phát huy tối đa hiệu quả, giá trị của sản phẩm được bảo hộ, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm Việt trong bối cảnh hội nhập thị trường quốc tế. Đặc biệt, sự phối hợp giữa 3 Bộ sẽ phát huy được ưu thế về năng lực chuyên môn, nguồn lực con người và tài chính của từng Bộ, đồng thời tạo ra sự thống nhất, bổ trợ lẫn nhau trong các hoạt động xây dựng, quản lý và phát triển CDĐL và cũng là cơ sở để các địa phương xây dựng cơ chế phối hợp giữa các Sở, ngành của địa phương mình trong xây dựng, quản lý và phát triển CDĐL.

Trung Kiên

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

## PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP 4.0

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tác động đến nhiều lĩnh vực của toàn cầu và nông nghiệp cũng không ngoại lệ. Khác với nông nghiệp công nghệ cao đó là tập trung thay đổi phương thức sản xuất từ truyền thống sang hiện đại, nông nghiệp 4.0 chính là thay đổi phương thức quản lý nông nghiệp tập trung chủ yếu vào sản xuất thông minh dựa trên các thành tựu đột phá trong công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ nano. Theo đó, nông nghiệp 4.0 sẽ mở đường cho những hoạt động sản xuất chính xác, chặt chẽ mà con người không cần có mặt trực tiếp.

Nông nghiệp 1.0 xuất hiện mạnh vào khoảng năm 1910, ở giai đoạn này chủ yếu dựa vào sức lao động và phụ thuộc vào thiên nhiên do đó năng suất lao động thấp, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, quá trình trao đổi thương mại chưa sôi động, chủ yếu tự cung, tự cấp nông sản giữa các quốc gia.

Nông nghiệp 2.0 đó là Cách mạng xanh, bắt đầu vào những năm 1950, mà điển hình là Ấn Độ sử dụng các giống lúa mì lùn cải tiến; giai đoạn mà canh tác kết hợp sử dụng hóa học hóa trong phân bón và thuốc bảo vệ thực vật; cơ khí phục vụ nông nghiệp phát triển như máy cày và các loại máy phục vụ công nghệ sau thu hoạch, quá trình trao đổi nông sản toàn cầu diễn ra mạnh mẽ, từng bước hình thành rõ phân vùng nông nghiệp thế giới.

Nông nghiệp 3.0 diễn ra vào khoảng năm 1990 đã tạo bước đột phá về công nghệ nhờ áp dụng các thành tựu khoa học về công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, thiết bị định vị toàn cầu (GPS), các công nghệ làm đất, công nghệ sau thu hoạch sử dụng rộng rãi trên toàn

cầu và từng bước áp dụng các công nghệ điều khiển tự động và cảm biến, giao dịch nông sản thương mại điện tử, từ đó đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng nông sản; căn cứ vào lợi thế so sánh các quốc gia đã chủ động tham gia chuỗi nông sản toàn cầu; đây là giai đoạn xuất hiện nhanh và nhiều công ty đa quốc gia kinh doanh về nông nghiệp.

Nông nghiệp 4.0 diễn ra đồng thời với phát triển của thế giới về công nghiệp 4.0 là giai đoạn ứng dụng mạnh mẽ các thiết bị cảm biến kết nối internet (IoT), công nghệ đèn LED, các thiết bị bay không người lái, robot nông nghiệp và quản trị tài chính trang trại thông minh... Thuật ngữ nông nghiệp 4.0 được phân tích và sử dụng đầu tiên tại Đức vào năm 2011.

Nông nghiệp 4.0 đã và đang góp phần thay đổi phương thức quản lý ở tầm quốc gia, vùng sinh thái, doanh nghiệp, hộ gia đình. Từ kiểm soát vật tư, điều khiển quy trình sản xuất, thương mại đến tiêu dùng đều có thể ứng dụng kỹ thuật số, nhằm giảm công lao động, tiết kiệm vật tư, hạ giá thành sản phẩm, kiểm soát an toàn thực phẩm, giữ môi trường trong sạch.

Việt Nam bước đầu phát triển nền nông nghiệp 4.0 với những thuận lợi Đến năm 2016 có 53% dân số tiếp cận được internet, công nghệ số, nhất là công nghệ internet vạn vật được phát triển khá nhanh, tạo điều kiện và mở ra các cơ hội khởi nghiệp và ra đời các sản phẩm mới và dịch vụ mới; Chính phủ và các địa phương thể hiện quyết tâm chính trị cao thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Nhờ vậy, trong một số ngành và lĩnh vực đã bước đầu ứng dụng có hiệu quả công nghệ của nông nghiệp 4.0...



Thực tế cho thấy, Việt Nam có một số ngành đủ khả năng tiếp cận nông nghiệp 4.0: Chăn nuôi quy mô công nghiệp về bò sữa, lợn, gà, nuôi tôm, cá da trơn, hiện đang có những mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao, theo chuỗi từ sản xuất đến xuất khẩu, cho nên dễ dàng ứng dụng công nghệ như kết nối với điện thoại thông minh, tự động hóa, sử dụng robot. Sản xuất rau, hoa và quả là những ngành dễ áp dụng công nghệ như: Tự động hóa sản xuất cây giống; cơ giới hóa làm đất; gieo trồng, chăm sóc nhờ cảm biến dinh dưỡng đất, liều lượng phân bón và tưới nước nhỏ giọt; ứng dụng chế phẩm giúp sản xuất trái vụ; công nghệ thu hoạch, chế biến, bảo quản tiên tiến; công nghệ giữ hoa tươi lâu. Nấm ăn, cây dược liệu có thể sản xuất quy mô công nghiệp, điều khiển khí hậu và kỹ thuật canh tác. Ưu tiên công nghệ chiết tách các hoạt chất có được tính cao như nano cucumin hoặc tinh dầu gấc, nhân sâm... Trong sản xuất lúa gạo, ứng dụng viễn thám vào quản lý sản xuất và sâu bệnh, công cụ quản lý cây trồng trên điện thoại thông minh, dùng máy bay phun thuốc trừ sâu bệnh, hay áp dụng cảm biến nhiệt độ, độ ẩm dinh dưỡng đất để điều tiết nước, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hợp lý...

Để phát triển nông nghiệp 4.0 đề nghị Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm ban hành Đề án phát triển nông nghiệp 4.0 cho cả nước và từng vùng sinh thái. Đồng thời, nên thành lập ngân hàng chuyên gia về nông nghiệp công nghệ cao, lập ngân hàng thông tin dinh dưỡng đất để cung ứng dữ liệu miễn phí cho nông dân. Dành nguồn kinh phí cho nghiên cứu, ứng dụng thiết bị thông minh phù hợp điều kiện Việt Nam, có nguồn kinh phí đào tạo, tập huấn, cập nhật công nghệ, thiết bị thông minh cho cán bộ quản lý và thể hệ nông dân mới ứng dụng được các tiến bộ kỹ thuật 4.0.



Máy bay phun thuốc trừ sâu bệnh

Ảnh: Sư tầm

Điều chỉnh chính sách công nhận những tiến bộ kỹ thuật nhập khẩu sao cho đơn giản, nhanh, và áp dụng đúng thiết bị, vật tư, khi chưa có trong danh mục.

Chính phủ cần chỉ đạo các Bộ liên quan xây dựng một số thông tư về ứng dụng nông nghiệp 4.0, cũng như xây dựng chuỗi liên kết ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất, chế biến, thương mại tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp 4.0. Có chính sách ứng dụng thiết bị bay không người lái để quản lý rừng, cảnh báo sạt lở đất, dự báo lũ; dán tem thông minh trên quy mô lớn giúp quản lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, những sản phẩm tiêu dùng tại các siêu thị và xuất khẩu, giúp truy xuất nguồn gốc, quy trách nhiệm nhà quản lý sản xuất. Đối với các vùng, thành phố lớn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tập trung xây dựng những mô hình chuỗi liên kết ứng dụng tối đa các công nghệ, thiết bị thông minh trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ. Đẩy mạnh sự phát triển của thương mại điện tử, thương mại không kho bãi để giảm chi phí sản xuất. Người tiêu dùng cần chuyển sang hướng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp 4.0 bằng ứng dụng điện thoại thông minh, cài đặt phần mềm truy xuất nguồn gốc hàng hóa.

Trần Thơm

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

## HỘI THẢO KHOA HỌC THỰC TRẠNG, XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI VÀ GIẢI PHÁP BẢO TỒN DÂN CA - DÂN NHẠC - DÂN VŨ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Chiều ngày 27/8/2018 Trung tâm Nghiên cứu phát triển văn hóa nghệ thuật Đất Việt - Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Đất Việt đã tổ chức Hội thảo khoa học Thực trạng, xu hướng biến đổi và giải pháp bảo tồn dân ca - dân nhạc - dân vũ các dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên.

Tại Hội thảo, đại diện Trung tâm Nghiên cứu phát triển văn hóa nghệ thuật Đất Việt TS. Phạm Văn Hiệp đã báo cáo khái quát thực trạng, xu hướng biến đổi và đề xuất một số giải pháp bảo tồn dân ca - dân nhạc - dân vũ các dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên. Theo đó, tổng kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể của tỉnh giai đoạn 2012 - 2015 có 690 di sản trong đó 16 tiếng nói, 08 chữ viết, 246 ngữ văn dân gian, 225 nghệ thuật trình diễn dân gian, 65 tập quán xã hội và tín ngưỡng, 38 lễ hội truyền thống, 50 tri thức dân gian và một số di sản văn hóa phi vật thể khác. Tuy nhiên một thực trạng đặt ra hiện nay chính là nguy cơ mai một, mất mát các di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc thiểu số trên địa bàn. Trước thực trạng đó, cơ quan nghiên cứu cũng đã đề xuất một số giải pháp, đó là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về văn hóa; giải quyết tốt mối quan hệ giữa bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường hiệu lực, hiệu quả các chủ trương chính sách bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; huy động các



TS. Phạm Văn Hiệp báo cáo khái quát thực trạng, xu hướng biến đổi và đề xuất một số giải pháp bảo tồn dân ca - dân nhạc - dân vũ các dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên.

Ảnh: Nguyễn Hương

nguồn lực cho bảo tồn và phát huy các giá trị còn lại của dân ca dân nhạc dân vũ ngay tại làng bản, ngay trong các nghệ nhân nông thôn; xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa có năng lực văn hóa và hiểu biết về dân ca - dân nhạc - dân vũ.

Cũng tại hội thảo, các đại biểu, nhà khoa học, nhạc sĩ đã tham luận và đóng góp ý kiến vào Đề án bảo tồn, phát huy giá trị dân ca - dân nhạc - dân vũ dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên, đó là: cần xây dựng cơ chế chính sách, đề án, chương trình đầu tư và có hình thức hỗ trợ kinh phí để các nghệ nhân chuyên tâm truyền dạy di sản dân ca - dân nhạc - dân vũ cho các thế hệ kế cận ngay từ cơ sở./

**Nguyễn Hương**

Phòng Kế hoạch - Quản lý khoa học

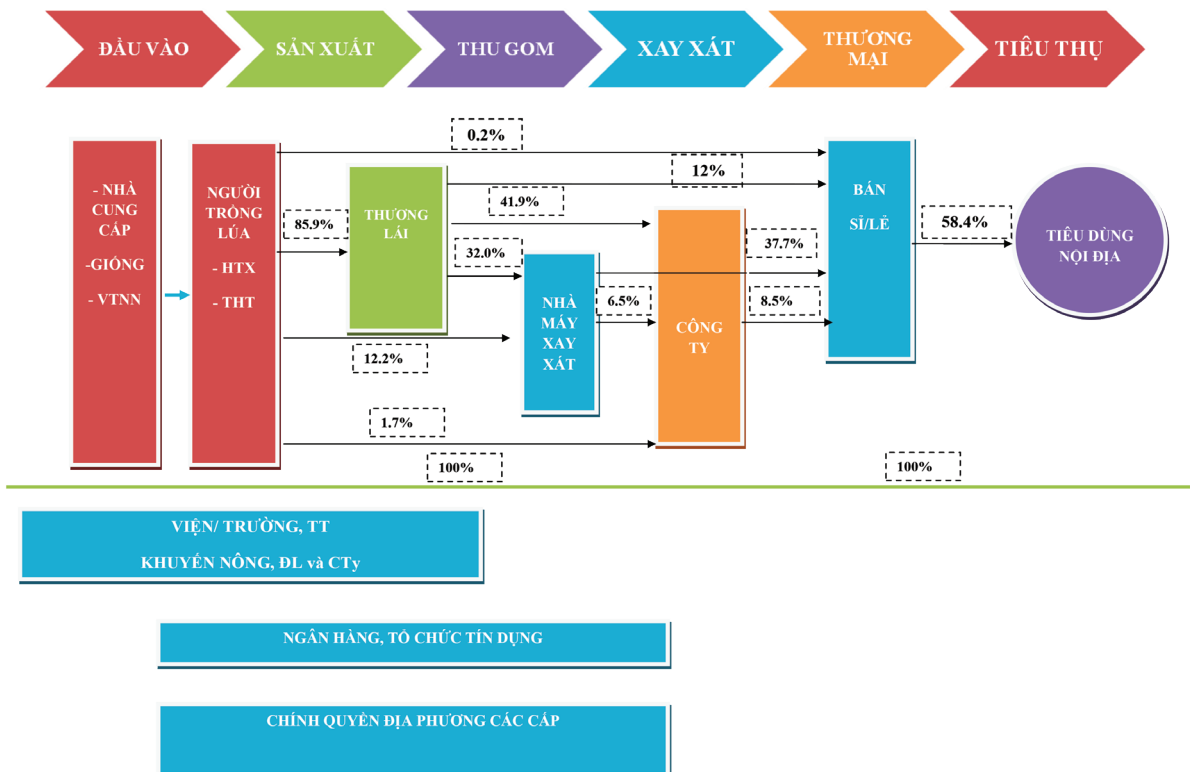
# NÂNG CAO KIẾN THỨC VỀ PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ SẢN PHẨM GẠO ĐIỆN BIÊN

Gạo Điện Biên từ lâu nổi tiếng khắp nơi với vị thơm dẻo, ngon lành và được gieo trồng trên cánh đồng Mường Thanh màu mỡ, được tưới mát bằng dòng sông Nậm Rốm. Nhờ vậy, hạt gạo Điện Biên trở thành một đặc sản của vùng Tây Bắc mà không nơi nào có được.

“Tiếng thơm” về “gạo Điện Biên” trên thực tế là sản phẩm của một số giống lúa được gieo trồng thuộc khu vực lòng chảo Điện Biên như giống IR64, Bắc thơm số 7... là một trong những nông sản đặc sản mà hiện nay nhiều địa phương trong cả nước biết đến. Nhưng cũng vì nổi tiếng về chất lượng mà “gạo Điện Biên” đã bị giả danh, pha trộn gây mất lòng tin cho người tiêu dùng. Hệ thống tiếp thị gạo

thì manh mún, yếu trong liên kết dọc, liên kết ngang thì thiếu nguồn lực tài chính và năng lực quản lý yếu gây thất thoát sau thu hoạch, quản lý chất lượng kém. Chính vì vậy, cần quản lý chuỗi cung ứng hiệu quả từ đầu vào đến đầu ra, quản lý rủi ro, nâng cao hiệu quả và phát triển các chính sách hỗ trợ có liên quan để tăng giá trị gia tăng nâng cao thu nhập và sinh kế người trồng lúa cũng như phát triển bền vững chuỗi giá trị sản phẩm lúa gạo của Điện Biên.

Chuỗi giá trị sản phẩm gạo bao gồm các hoạt động sản xuất kinh doanh có quan hệ với nhau, từ việc cung cấp đầu vào, sản xuất, thu gom, chế biến đến bán sản phẩm cho người tiêu dùng.



Sơ đồ chuỗi giá trị sản phẩm gạo Điện Biên

Các chủ thể tham gia chuỗi giá trị bao gồm: Cửa hàng vật tư nông nghiệp, nông dân, thương lái, nhà máy xay xát, đại lý bán sỉ/lẻ gạo, hợp tác xã, doanh nghiệp nông sản.

Thực trạng phát triển sản xuất lúa theo hướng hàng hoá ở vùng cánh đồng Mường Thanh và dựa trên việc xây dựng ma trận SWOT, kết quả được thể hiện qua bảng dưới đây.

<b>Điểm mạnh (Strengths) :</b>	<b>Điểm yếu (Weaknesses) :</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất lúa đã phát triển dần theo hướng nâng cao chất lượng</li> <li>- Có nhiều tiềm năng tự nhiên trong phát triển lúa hàng hóa chất lượng; Đất đai, khí hậu, diện tích đất nông nghiệp, đất phù hợp trồng lúa...</li> <li>- Có danh tiếng trên thị trường tiêu dùng.</li> <li>- Trình độ sản xuất lúa hàng hóa của người dân đang được nâng cao, năng suất lúa tăng cao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất vẫn mang tính tự phát, chưa quy hoạch vùng sản xuất lúa hàng hóa rõ ràng.</li> <li>- Trình độ chuyên môn kỹ thuật, kiến thức thị trường của người dân còn thấp.</li> <li>- Chưa gắn kết được sản xuất với công nghiệp chế biến, chưa có nhiều sản phẩm xuất khẩu</li> <li>- Giống vẫn còn hỗn tạp</li> <li>- Người sản xuất chưa nắm được thông tin về khoa học kỹ thuật, giá cả thị trường.</li> <li>- Hoạt động khuyến nông còn nhiều hạn chế</li> <li>- Kỹ thuật sử dụng phân bón không cân đối</li> <li>- Dùng nhiều phân đạm, bón kali cho lúa chưa cân đối, bón các loại phân muộn.</li> </ul>
<b>Cơ hội (Opportunities) :</b>	<b>Thách thức (Threats) :</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhu cầu tiêu dùng của huyện, tỉnh và các tỉnh khác còn lớn và khả năng sẽ tiếp tục tăng.</li> <li>- Phát triển theo hướng hàng hoá chất lượng đang được nhà nước khuyến khích phát triển.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thị trường các yếu tố đầu vào biến động phức tạp, không có lợi cho người sản xuất.</li> <li>- Yêu cầu chất lượng và vệ sinh thực phẩm ngày càng cao hơn</li> <li>- Tiềm năng dinh dưỡng đất ngày càng hạn chế, nếu không có những biện pháp cải tạo đất.</li> </ul>

Bảng 1: Phân tích SWOT đối với sản xuất lúa hàng hóa khu vực cánh đồng Mường Thanh

Qua phân tích SWOT cho thấy, vùng cánh đồng Mường Thanh là vùng có nhiều điều kiện thuận lợi phát triển nền nông nghiệp theo hướng hàng hóa. Ngành sản xuất lúa của vùng đã hình thành và ổn định và là ngành sản xuất không thể thiếu trong hệ thống kinh tế của huyện Điện Biên và thành phố Điện Biên Phủ. Sản xuất lúa, ngoài việc đáp ứng nhu cầu tiêu dùng nội vùng, đảm bảo an ninh lương thực, còn là sản phẩm hàng hóa cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh cũng như xuất khẩu, nâng cao thu nhập cho người dân trên diện tích đất canh tác. Do vậy, phát triển sản xuất lúa theo hướng hàng hoá là xu hướng phát triển của vùng trong những năm tới.

Dựa trên kết quả điều tra, nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và hiện trạng sản xuất nông nghiệp của vùng đã đánh giá những thuận lợi và kết quả đạt được trong sản xuất lúa gạo hàng hóa vùng cánh đồng Mường Thanh cụ thể như sau:

- Vùng cánh đồng Mường Thanh có vị trí địa lý gần trung tâm kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên, với hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông tương đối hoàn chỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu, trao đổi hàng hóa, tiếp cận với khoa học công nghệ.

- Vùng cánh đồng Mường Thanh có điều kiện tự nhiên khí hậu, đất đai, nguồn nước, thích hợp với cây lúa sản xuất theo hướng hàng hóa có chất lượng, năng suất cao cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Cơ cấu kinh tế của vùng đã và đang chuyển dịch đúng hướng, đạt tốc độ tăng trưởng khá là nội lực lớn để khai thác tiềm năng đất đai phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới. Nguồn lao động ở đây khá dồi dào.

- Cơ cấu ngành nông nghiệp có những chuyển biến tích cực, sản lượng lương thực

tăng vượt bậc và vững chắc, giá trị/ha canh tác tăng đáng kể. Cơ cấu giống lúa chuyển dịch theo hướng tăng gieo cấy các giống lúa hàng hóa chất lượng, giảm dần diện tích gieo cấy các giống lúa thuần chất lượng thấp, đến cuối năm 2016 tỷ trọng gieo cấy bằng các giống lúa hàng hóa chất lượng chiếm từ 75 - 80% tổng diện tích lúa, tỷ lệ lúa hàng hóa cũng chiếm từ 50 - 55% tổng sản lượng lúa.

- Hiện nay các thành phố lớn ở phía Bắc, đặc biệt là Hà Nội đã tiêu thụ một lượng lớn sản lượng gạo chất lượng được sản xuất tại cánh đồng Mường Thanh. Đây là điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh tổ chức sản xuất lúa hàng hóa chất lượng. Thị trường và hoạt động tiêu thụ lúa gạo diễn ra sôi động, khối lượng gạo hàng hóa tăng qua các năm với tốc độ tương đối cao, đáp ứng được nhu cầu chất lượng của thị trường.

- Đã hình thành thị trường thống nhất, thông thoáng với sự tham gia của các thành phần kinh tế, tiềm năng về nhân lực, vốn, kinh nghiệm buôn bán... của mọi chủ thể kinh doanh được huy động vào lưu thông hàng hóa. Giá cả được hình thành trên cơ sở giá trị và quan hệ cung cầu, có sự điều tiết của Nhà nước.

- Phương thức kinh doanh ngày càng đa dạng, mạng lưới phân phối được mở rộng trên cả địa bàn đô thị, nông thôn với nhiều hình thức như đại lý, ủy thác,... Ở thành thị xuất hiện phương thức kinh doanh văn minh, hiện đại như siêu thị, mua bán tự chọn, với các mặt hàng nông sản lương thực thực phẩm đảm bảo an toàn, chất lượng cao... Nhu cầu và cơ cấu lương thực thực phẩm cho thị trường thành phố đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng đa dạng về chủng loại, tính sẵn có và tính thuận tiện phù hợp với lối sống công nghiệp.

Bên cạnh những thuận lợi cũng có những khó khăn nhất định trong sản xuất lúa gạo hàng hóa vùng cánh đồng Mường Thanh như:

- Về giống: Tình trạng sử dụng giống chưa được kiểm soát vẫn tồn tại, chất lượng không đảm bảo, vẫn sử dụng nhiều loại giống bị hỗn tạp ảnh hưởng đến giá trị thương phẩm gạo hàng hóa.

- Về phân bón: Người dân đang sử dụng quá nhiều phân bón trong quá trình sản xuất. Với tiềm năng cho năng suất của vùng lớn, trình độ thâm canh cao như hiện nay nhưng hàm lượng các chất hữu cơ, dinh dưỡng khoáng (cả tổng số và dễ tiêu) trong đất đều ở mức trung bình và thấp; đồng thời người dân đang lạm dụng phân hóa học quá mức mà không bón bổ sung phân hữu cơ, phân chuồng đã ảnh hưởng lớn đến khả năng cho năng suất và phát triển bền vững.

- Về thị trường tiêu thụ

+ Tiêu chuẩn phẩm cấp chất lượng gạo hàng hóa còn thấp, chủng loại còn nghèo nàn, đơn điệu, bao bì mẫu mã chưa thống nhất, phương thức kinh doanh thương mại còn đơn giản... Khả năng cạnh tranh gạo hàng hóa nhìn chung chưa cao trên cả phương diện giá cả, chất lượng, mẫu mã, trình độ gia công chế biến, sức mua xã hội chưa phổ biến, chậm được cải thiện, làm cho khả năng tiêu thụ còn biểu hiện trì trệ trong một vài giai đoạn.

+ Công tác quản lý chất lượng gạo từ khâu sản xuất, tiêu thụ đến tay người tiêu dùng chưa được quản lý chặt chẽ, ảnh hưởng đến uy tín chất lượng, danh tiếng của sản phẩm. Tiêu thụ lúa gạo hàng hóa chưa bền vững, giá cả không ổn định, lên xuống thất thường bị động, phụ thuộc rất nhiều vào thị trường,...

+ Lực lượng tư nhân tham gia thị trường lúa gạo hàng hóa đông nhưng chưa mạnh,

kinh doanh nhỏ lẻ, nguồn vốn và lao động ít. Hiện nay chưa nhiều HTX, tổ hợp tác hoạt động có hiệu quả, ngoại trừ HTX Thanh Yên, HTX Thanh Xương... Hầu hết các tổ chức chưa đứng ra liên kết sản xuất, quản lý chất lượng, tìm thị trường đầu ra tiêu thụ sản phẩm lúa hàng hóa mà người dân vẫn tự đem sản phẩm đi bán hay tư thương đến mua.

- Hầu hết các HTX tại cơ sở chỉ có vai trò trung gian dịch vụ cung ứng vật tư sản xuất mà chưa tự chủ trong quá trình hoạt động, tỷ lệ xã viên tham gia góp vốn gần như chưa có, vì vậy rất hạn chế vốn cho quá trình hoạt động. Các HTX khi chủ động dịch vụ giống, phân bón thì không được hỗ trợ cước vận tải mà UBND tỉnh Điện Biên quy định như các công ty cung ứng vật tư nông nghiệp của Nhà nước.

Để nâng cao hiệu quả của chuỗi giá trị sản xuất lúa (gạo) có một số giải pháp cụ thể như:

**(1) Giải pháp về kỹ thuật:** để nâng cao giá trị cho sản phẩm gạo tại địa phương nên tập trung vào một số khâu trong sản xuất sau:

- Giống: Đảm bảo gieo trồng các giống có nguồn gốc rõ ràng, nằm trong cơ cấu của tỉnh.

+ Lượng giống gieo cho 1ha: giảm  $\frac{1}{2}$  so với thực tế hiện nay (hiện nay đang gieo trung bình 100kg/ha) thì ở mức 50-60kg/ha để đảm bảo mật độ hợp lý (tránh sâu bệnh, đỡ công chăm sóc tĩa, giảm chi phí giống).

+ Có thể áp dụng công cụ sạ hàng (đảm bảo mật độ, thuận lợi cho tĩa bón phân, loại bỏ thóc lẫn).

- Phân bón: Cần bón phân theo khuyến cáo của cán bộ, quy trình tại địa phương: Khuyến khích và tuyên truyền việc sử dụng chế biến phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh đảm bảo cho canh tác lúa (tận dụng phế phụ phẩm, hạ

lượng phân bón vô cơ, giảm chi phí, cải tạo đất, bảo vệ môi trường...).

+ Bón tập trung (để dễ nhánh tập trung, hạn chế sâu bệnh).

+ Định kỳ hoặc 5 năm tiến hành phân tích đất để điều chỉnh lượng phân bón cho phù hợp với năng suất và chất lượng gạo.

- Tĩa dặm, làm cỏ: Tĩa dặm để đảm bảo mật độ hợp lý, có thể kết hợp làm cỏ sục bùn tạo độ thông thoáng cho lúa nhất là giai đoạn đẻ nhánh làm đòng

- Phòng trừ sâu bệnh: Tuân thủ các quy định của địa phương trong việc phun phòng trừ sâu bệnh hại (thông báo của Trạm khuyến nông, Trạm BVTV, Phòng Nông nghiệp và PTNT, phòng Kinh tế, UBND các Phường, xã,..): theo IPM, ICM,...

+ Sử dụng thuốc trong danh mục cho phép, khuyến khích sử dụng các hoạt chất sinh học và các biện pháp sinh học trong phòng trừ sâu bệnh.

+ Thực hiện theo nguyên tắc 4 đúng (đúng thuốc, đồng nồng độ, đúng thời điểm, đúng cách).

**(2) Giải pháp về liên kết:** Cần thiết lập các mối liên kết giữa HTX với các hộ dân, HTX đứng ra liên kết các hộ dân thực hiện theo hình thức cánh đồng mẫu lớn. Từ đó, HTX là đơn vị đứng ra hỗ trợ các hộ dân trong các vấn đề kỹ thuật, triển khai sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra, thiết lập liên kết giữa doanh nghiệp và người dân cũng là hình thức rất quan trọng để tăng giá trị sản phẩm và hạ giá thành sản xuất.

**Minh Trí**

Sở Khoa học và Công nghệ

## NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA VIỆC ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001 TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động tại các cơ quan hành chính Nhà nước là một chủ trương lớn của Chính phủ, với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính trong thực thi công vụ.

Hệ thống quản lý chất lượng là một công cụ hữu hiệu giúp cho lãnh đạo công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ theo một trình tự chuẩn mực, từ đó nâng cao chất lượng công việc trong thực hiện nhiệm vụ giải quyết các dịch vụ công, giúp cho khách hàng, ở đây là người dân và doanh nghiệp cảm thấy hài lòng khi đến cơ quan hành chính thực hiện các thủ tục hành chính một cách nhanh chóng, chính xác.

Mặt khác việc áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 còn là một trong những tiêu chí thành phần để xác định chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, địa phương; là một thành phần của tiêu chí hiện đại hóa nền hành chính trong chương trình tổng thể cải cách hành chính của nước ta.

Sở Khoa học và Công nghệ với vai trò chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, hướng dẫn, học tập kinh nghiệm về xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của CQHCCNN; kiểm tra, giám sát các cơ quan hành chính nhà nước về việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001; thực hiện ISO điện tử; hỗ trợ và hướng dẫn

sử dụng kinh phí cho các cơ quan hành chính nhà nước xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001.

Trên địa bàn tỉnh Điện Biên việc áp dụng HTQLCL vào hoạt động hành chính công theo lộ trình đề ra đến nay cơ bản đã đi vào nền nếp. Hầu hết cán bộ công chức đã nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, hiểu được vai trò vị trí của mình trong từng công việc. Qua đó, việc theo dõi tiến độ giải quyết, cải tiến phương pháp làm việc và lưu hồ sơ một cách có khoa học, đồng thời nâng cao năng suất, tiến độ công việc, tạo điều kiện thuận lợi cho các các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp khi đến thực hiện các thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, các đơn vị còn phát hiện những vấn đề chưa phù hợp, những tồn tại hạn chế, bất cập trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn để có biện pháp cải tiến, điều chỉnh kịp thời nhằm giải quyết công việc cho các tổ chức và các cá nhân ngày càng tốt hơn. Tuy mỗi đơn vị có cách áp dụng khác nhau, nhưng đều thể hiện được những tính năng ưu việt của hệ thống này.

Ngày 05 tháng 3 năm 2014 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, V/v áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, đảm bảo những nội dung cụ thể về xây dựng, áp dụng, công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng;

bao gồm 100% các thủ tục hành chính đang thực hiện tại các cơ quan, UBND xã, phường, thị trấn; bảo đảm sự tham gia của lãnh đạo các đơn vị và cá nhân có liên quan; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc diện khuyến khích áp dụng. Việc triển khai áp dụng, HTQLCL trong thời gian qua đã tạo ra những tác động tích cực đối với công tác cải cách hành chính. Đặc biệt, đã giúp cụ thể hóa cách thức, thời gian, trách nhiệm giải quyết ở từng bước công việc. Việc áp dụng hệ thống ISO gắn với ứng dụng công nghệ thông tin như: phần mềm một cửa, một cửa liên thông, phần mềm quản lý văn bản... đã giúp lãnh đạo cơ quan, cán bộ, công chức kiểm soát được quá trình giải quyết công việc, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, tránh chồng chéo trong giải quyết công việc. Tuy nhiên việc áp dụng HTQLCL vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Trong đó, nhận thức của lãnh đạo một số cơ quan, đơn

vị chưa đầy đủ về trách nhiệm, tác dụng của việc áp dụng hệ thống. Công tác đào tạo, tập huấn về HTQLCL chưa được quan tâm đúng mức. Các cơ quan triển khai xây dựng hệ thống tài liệu chỉ quan tâm đến việc áp dụng HTQLCL cho các thủ tục hành chính (đúng quy định tại Quyết định số 19), chưa dám mạnh dạn áp dụng cho các quy trình tác nghiệp khác. Đối với UBND các huyện, thị cần phải vào cuộc quyết liệt, lựa chọn những xã/phường/thị trấn có đội ngũ cán bộ quản lý năng động, tương đối đủ về điều kiện cơ sở vật chất, có tình hình phát triển chính trị, kinh tế, xã hội ổn định để thực hiện áp dụng ISO, phải coi đây là một nội dung trong kế hoạch cải cách hành chính của địa phương. Các văn bản quy phạm pháp luật thay đổi, bổ sung thường xuyên dẫn đến khó khăn trong việc cập nhật, cải tiến quy trình.

**Hoàng Hưng**

Chi Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

## PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRUNG TÂM TÍCH HỢP DỮ LIỆU THÔNG MINH, HIỆN ĐẠI

**T**rung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông (CNTT&TT) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông có chức năng tư vấn, thiết kế, triển khai dự án, các giải pháp kỹ thuật đầy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (CNTT), đào tạo, nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT, đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu (THDL) do Trung tâm CNTT&TT quản lý, thực hiện việc lưu trữ, vận hành, cung cấp các dịch vụ hạ tầng cho các hệ thống CNTT của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh.

Thời gian qua, Hệ thống Trung tâm THDL của Trung tâm đã phát huy hiệu quả hoạt động, từng bước xây dựng và phát triển hệ thống Trung tâm THDL thông minh, hiện đại, hướng tới mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử với mô hình quản lý tập trung.

Hệ thống Trung tâm THDL là hệ thống chuyên dụng, bao gồm phần cứng, phần mềm, đóng vai trò là nền tảng giúp hình thành cơ sở dữ liệu (CSDL) tập trung thống nhất phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, cải cách hành chính của các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh. Hệ thống Trung tâm THDL được đầu tư hạ tầng hiện đại gồm: 04 máy chủ CSDL, 05 máy chủ ứng dụng, 02 máy chủ



quản trị và sao lưu dữ liệu, cùng nhiều máy chủ chức năng khác; phòng quản lý mạng, điện, điều hành, hệ thống máy nổ, báo cháy... cũng được lắp đặt đồng bộ. Hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tích hợp một cửa điện tử Sở TT&TT, chỉ đạo, điều hành...

Bên cạnh công tác đảm bảo hạ tầng CNTT, với nhiệm vụ quản trị, vận hành hệ thống cổng/trang TTĐT, phần mềm ứng dụng, thư điện tử của Sở... các cán bộ kỹ thuật tại Trung tâm triển khai, thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo hệ thống email hoạt động ổn định, thông suốt, liên tục; lọc email có nội dung xấu; quét lỗ hổng, virus, bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật thông tin; quản lý phân quyền truy cập hệ thống theo phân cấp quản lý.

Theo ông Vũ Hoàng Thiên, Phó Giám đốc Trung tâm CNTT&TT: Hệ thống Trung tâm THDL do Trung tâm quản lý vận hành đang phát triển theo hướng SDDC (Software-defined data center), triển khai CNTT như là một dịch vụ - ITaaS (IT as a Service). Hiện nay, hệ thống trung tâm THDL đảm bảo hoạt động với 23 cổng/trang thông tin điện tử (TTĐT), cùng hệ thống Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 tích hợp một cửa điện tử, quản lý lịch làm việc, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính các cấp, tra cứu thông tin kinh tế - xã hội... của các Sở, ban, ngành, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh.

Thời gian tới, Trung tâm CNTT&TT chú trọng phát triển hạ tầng hiện đại theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định Bộ TT&TT đưa ra: Hệ thống nguồn nuôi ổn



Cán bộ kỹ thuật đang vận hành hệ thống Trung tâm tích hợp dữ liệu

Ảnh: Nguyễn Mai

định, làm mát chuyên dụng, sàn nâng, giám sát hoạt động, cảnh báo cháy nổ, rò rỉ nước, camera giám sát, an toàn bảo mật, cân bằng tải đảm bảo tối ưu hoá lưu lượng đường truyền và tăng tốc độ truy cập; tự động hóa các hoạt động quản trị, điều khiển, chỉ đạo, giám sát hoạt động của toàn bộ hệ thống thiết bị mạng, bảo mật, nhận biết các sự cố cũng như khả năng phản ứng xử lý sự cố nhanh chóng... Đồng thời Trung tâm đẩy mạnh triển khai ứng dụng các CSDL Quốc gia, xây dựng các phần mềm, CSDL trọng điểm phục vụ mọi lĩnh vực; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Qua đó, tạo điều kiện và thúc đẩy đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT phát huy năng lực, tính sáng tạo đảm nhiệm tốt quản trị, vận hành hệ thống Trung tâm THDL, góp phần thúc đẩy công cuộc cải cách hành chính, xây dựng mô hình chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh./.

**Nguyễn Mai**

Sở Thông tin và Truyền thông

## DIỆN BIÊN CÔNG NHẬN 16 XÃ ĐẠT CHUẨN VÀ CƠ BẢN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với mục tiêu: Xây dựng nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

Chương trình xây dựng nông thôn mới (NTM) được triển khai thực hiện năm 2011, từ chỗ số tiêu chí bình quân là 1,4 tiêu chí/xã, thu nhập bình quân ở khu vực nông thôn là 7,22 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo cao (45,52%); Sau 08 năm thực hiện (đến hết năm 2017), đã có 16/116 xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn số tiêu chí bình quân là 6,78 tiêu chí/xã, tăng 5,38 tiêu chí/xã so với năm 2011. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 12,6 triệu đồng/người/năm, tăng gấp 2,84 lần so với năm 2008, đạt 122,3% so với mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TU (450 USD/năm tương đương 10,3 triệu đồng/năm).

Kết quả thực hiện NTM trên địa bàn tỉnh tính tới hết năm 2017: 116/116 xã có đường giao thông đi lại, 106/116 xã đã có đường ô tô đến trung tâm xã đảm bảo đi lại được các mùa trong năm; đã có 20/116 xã đạt chuẩn tiêu chí (18,1%). Các công trình thủy lợi được chú trọng đầu tư nâng cấp và xây dựng mới, cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất



Đồng chí Lò Văn Tiến, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trao Quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM cho đại diện lãnh đạo xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên.

Ảnh: Khắc Tân

của người dân; đã có 71/116 xã đạt chuẩn tiêu chí (61,21%). Hệ thống điện nông thôn được xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp, đến hết năm 2017, 116/116 xã có điện lưới quốc gia, tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng điện là 84,89%. Nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học: 43/116 xã đạt tiêu chí trường học (37,07%); 33/116 xã đạt tiêu chí giáo dục (28,45%). Mạng lưới y tế cơ sở được quan tâm đầu tư, nâng cấp, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ở khu vực nông thôn. Đến nay đã có 43/116 xã (37,07%) đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 99,7%. Các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng được đẩy mạnh và đa dạng hóa, sinh hoạt cộng đồng đã được quan tâm, từng bước đi vào nề nếp.

Tính đến nay tỉnh Điện Biên đã công nhận 16 xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn trong đó:

- 13 xã đạt chuẩn nông thôn mới gồm: xã Thanh Hưng, Thanh Luông, Thanh Xương, Thanh Yên, Thanh Chăn, Noong Hẹt, Pom Lót, Thanh An, Thanh Nưa thuộc huyện Điện Biên; Ảng Nưa thuộc huyện Mường Ảng; xã Lay Nưa thuộc thị xã Mường Lay; xã Thanh Minh, Tà Lèng thuộc thành phố Điện Biên Phủ.

- 03 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới gồm: xã Mường Phăng thuộc huyện Điện Biên; xã Sín Thầu thuộc huyện Mường Nhé; xã Chà Nưa thuộc huyện Nậm Pồ.

Trong tháng 8/2018 có 9 xã được công nhận NTM năm 2017 đã lần lượt tổ chức Lễ công bố đạt chuẩn NTM một cách trang trọng.

Về kết quả đạt được của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới thời gian qua, đồng chí Lò Văn Tiến, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Phó trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh đánh giá: Mặc dù gặp nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế, địa hình, nhưng với nỗ lực của cấp ủy, chính quyền địa phương và sự đồng thuận, ủng hộ của người dân, Chương trình xây dựng NTM đã tạo động lực phát triển mới trên địa bàn 116 xã của tỉnh. Các dự án đã phát huy hiệu quả đầu tư, đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống nhân dân. Điều kiện kinh tế - xã hội, an ninh trật tự tại địa bàn các xã đạt chuẩn NTM phát triển, ổn định đã tạo niềm tin, động viên nhân dân các dân tộc toàn tỉnh chung tay xây dựng NTM. Minh chứng là nhiều hộ gia đình tự nguyện hiến đất, đóng góp công sức để xây dựng giao thông nông thôn, nhà văn hóa. Trong sản xuất nông nghiệp đã triển khai có hiệu quả các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản; trồng rau an toàn, cây



Đồng chí Hà Văn Quân, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM trao Quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM cho đại diện lãnh đạo xã Thanh Yên, huyện Điện Biên.

Ảnh: Sưu tầm

ăn quả. Người dân đã có chuyển biến nhận thức về phương thức sản xuất; chủ động lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi phù hợp điều kiện sản xuất của địa phương và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng.

Trong thời gian tới tỉnh sẽ tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới toàn diện trên các lĩnh vực, lựa chọn những nội dung đầu tư theo thứ tự ưu tiên. Hoàn thiện các thiết chế văn hóa nông thôn, xây dựng môi trường văn hóa nông thôn lành mạnh, đẩy mạnh thực hiện các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới” xây dựng làng, xã, gia đình văn hóa; bảo tồn, tôn tạo, phát huy bản sắc văn hóa của từng địa phương, từng vùng miền, phát huy truyền thống tốt đẹp, tương thân tương ái, tình làng nghĩa xóm, bài trừ các hủ tục, thực hiện nếp sống mới ở nông thôn.

**Thanh Bình** (Tổng hợp)  
Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

## NHỮNG ỨNG DỤNG HỮU ÍCH CỦA CÔNG NGHỆ CHUỖI KHỐI (BLOCKCHAIN)

Công nghệ blockchain ra đời góp phần quan trọng xây dựng nền tảng kinh tế số và tạo ra cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tuy nhiên tại Việt Nam blockchain nhìn chung vẫn còn là một khái niệm mới. Công nghệ chuỗi khối được áp dụng vào nhiều ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh đặc biệt là các dịch vụ như logistic hay truy xuất nguồn gốc.

Vậy thì Blockchain là gì? Theo wikipedia.org Blockchain “Là một cơ sở dữ liệu phân cấp lưu trữ thông tin trong các khối thông tin được liên kết với nhau bằng mã hóa và mở rộng theo thời gian. Mỗi khối thông tin đều chứa thông tin về thời gian khởi tạo và được liên kết tới khối trước đó, kèm một mã thời gian và dữ liệu giao dịch. Blockchain được thiết kế để chống lại việc thay đổi của dữ liệu: Một khi dữ liệu đã được mạng lưới chấp nhận thì sẽ không có cách nào thay đổi được nó.

Blockchain được đảm bảo nhờ cách thiết kế sử dụng hệ thống tính toán phân cấp với khả năng chịu lỗi byzantine cao. Vì vậy sự đồng thuận phân cấp có thể đạt được nhờ Blockchain. Vì vậy Blockchain phù hợp để ghi lại những sự kiện, hồ sơ y tế, xử lý giao dịch, công chứng, danh tính và chứng minh nguồn gốc. Việc này có tiềm năng giúp xóa bỏ các hậu quả lớn khi dữ liệu bị thay đổi trong bối cảnh thương mại toàn cầu”.

Trong lĩnh vực ngân hàng các ứng dụng đã được áp dụng từ việc sử dụng công nghệ blockchain để phát hành hóa đơn và các khoản vay xuyên biên giới cho đến các quy trình xác thực định danh; Một ngân hàng tại Trung Quốc đã đưa ra một nền tảng dựa

trên blockchain cung cấp việc phát hành các khoản vay liên ngân hàng và xuyên biên giới cho các doanh nghiệp nhỏ. Có thể nói blockchain đã làm nên thay đổi mạnh mẽ đối với ngành tài chính ngân hàng, an toàn, nhanh chóng, tiết kiệm chi phí là những ưu điểm mà blockchain đã đem lại. Trong tương lai không xa xu thế các ngân hàng trên thế giới sẽ ứng dụng mạnh mẽ blockchain để mở rộng hơn nữa các dịch vụ; các hệ thống dựa trên blockchain sẽ được áp dụng nhằm giảm thiểu, loại bỏ nhiều rào cản kiểm tra hay xác nhận cho các giao dịch hoặc hợp đồng đơn giản.

Trong lĩnh vực nông nghiệp blockchain góp phần cải thiện việc theo dõi sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp; do vậy cần phải có chính sách mở khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng blockchain để nâng cao khả năng cạnh tranh trên quy mô toàn cầu. Ứng dụng vào lĩnh vực xuất, nhập khẩu nông sản sẽ giải quyết được nhiều vấn đề mà ngành nông nghiệp vướng mắc, hỗ trợ người nông dân bán hàng ra thị trường quốc tế. Khi ứng dụng blockchain, sàn giao dịch nông sản sẽ chuyển từng bước, từ ứng dụng tương đối tập trung sang phi tập trung. Khi nông dân có đủ lượng nông sản có thể tham gia vào thị trường xuất khẩu, họ có thể ngồi ở nhà, qua ứng dụng có thể bán trực tiếp sản phẩm trên thị trường quốc tế. Các giao dịch xuất - nhập khẩu hiện nay đều phải qua khâu trung gian. Nhờ ưu điểm minh bạch và không thể thay đổi, ứng dụng blockchain giúp xác thực thông tin về người mua và người bán, chất lượng hàng hóa, khả năng thanh toán rồi hình

thành, tích hợp các hợp đồng thông minh. Khi đó, việc tiến hành mã hóa tài sản và phát hành tài sản mã hóa trở nên nhanh chóng và thuận tiện hơn. Việc áp dụng hợp đồng thông minh vào thực tế cho hiệu quả về chi phí cao hơn nhiều so với các cách thức vận hành thông thường đi kèm với đó là khả năng xác thực nhanh và chính xác. Chính vì vậy tương lai của việc áp dụng hợp đồng thông minh vào các lĩnh vực kinh doanh, trong đó có hoạt động mua bán và xuất khẩu nông sản là rất khả thi và tiềm năng cao.

Lĩnh vực giao thông vận tải tiến trình cách mạng cũng to lớn như chính những biến động mà nó sẽ tạo ra sau này. Để thực hiện điều này, hàng loạt hãng vận tải biển và hàng trăm doanh nghiệp có liên quan khác trên toàn thế giới, trong đó có các nhà máy, ngân hàng, bảo hiểm, môi giới và cả các đơn vị quản lý cảng, sẽ phải cùng nhau xây dựng một quy ước hợp nhất tất cả các hệ thống mới vào một nền tảng khổng lồ duy nhất.

Nếu thành công, các thủ tục giấy tờ vốn phải mất nhiều ngày mới có thể hoàn thành sẽ được hoàn tất chỉ trong vài phút. Phần lớn quy trình này sẽ không cần đến sự can thiệp của con người. Nhờ vậy mà chi phí vận chuyển hàng hóa qua các lục địa có thể được cắt giảm đáng kể. Điều này giúp doanh nghiệp có thêm động lực để thay đổi địa điểm sản xuất hay các hàng hóa và nguyên liệu đầu vào từ nước ngoài.

Trong lĩnh vực y tế Blockchain cung cấp một nền tảng và cơ cấu mới cho lĩnh vực quản lý thông tin y tế bằng cách điện tử hóa các hồ sơ y tế, không có người trung gian và trao quyền cho các bệnh nhân để họ trở thành chủ sở hữu cho chính hồ sơ của mình. Bằng cách này, nền tảng thông tin y tế được hậu thuẫn bởi Blockchain sẽ góp phần giảm thiểu chi phí cho các nhà cung cấp dịch vụ y tế và cả bệnh nhân. Việc sử dụng Blockchain

trong y tế như: tạo lập hồ sơ y tế một cách an toàn trên Blockchain mà ở đó được đảm bảo rằng những người có thẩm quyền mới có thể truy cập nó bất cứ nơi nào trên thế giới. Sử dụng phương thức xác thực dữ liệu không chìa khóa ở quy mô lớn, kết hợp với một số cái phân tán, người dân chỉ cần mang theo chúng chỉ định danh ID của họ để mở khóa và truy cập vào các hồ sơ y tế của họ theo thời gian thực. Từ điểm này, Blockchain tạo thành một chuỗi rõ ràng để bảo vệ và giữ đăng ký của bất cứ ai sử dụng các hồ sơ này, trong khi vẫn đảm bảo duy trì được quá trình tuân thủ.

Trong bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu có thể giúp cá nhân và các công ty nhìn thấy rõ sự tương tác của mình với môi trường và khuyến khích họ có những hành động thân thiện hơn với môi trường. Nền tảng Blockchain có thể được sử dụng để theo dõi lượng khí Carbon được thải ra ở mỗi sản phẩm, các chất thải từ nhà máy và khí ga sinh học, hoặc theo dõi tiêu chuẩn của một công ty về hệ thống xử lý chất thải của họ. Những việc làm mới này hoàn toàn thay đổi được nền kinh tế, lợi ích không chỉ cho chúng ta mà còn cho cả thế hệ tương lai tồn tại được trên hành tinh này.

Cải tiến về quy trình quản lý sản xuất: Đây là vấn đề mà nhiều người tiêu dùng gặp phải khi muốn mua các sản phẩm, nhưng lại gặp vấn đề về chất lượng, thông tin trên sản phẩm. Theo lý thuyết, một sản phẩm phải trải qua một chuỗi các công đoạn trước khi nó được bày bán ở một cửa hàng. Cũng vì việc đó, nên thật dễ dàng khi các công ty có những tuyên bố sai sự thật, về việc những sản phẩm của họ được làm ra như thế nào, những chất hóa học mà họ sử dụng, quy trình sản xuất có hợp vệ sinh hay không... thậm chí là việc họ đối xử với các nhân viên công bằng hay không? Với khả năng tạo ra một hệ thống

chuỗi cung cấp sản phẩm rõ ràng minh bạch, nền tảng Blockchain sẽ ngăn chặn các hoạt động: trộm cắp, những sản phẩm làm trái với đạo đức. Bên cạnh đó, hệ thống sẽ giúp các công ty chứng minh rõ ràng làm cách nào mà những sản phẩm này được tạo ra.

Dùng để truy xuất nguồn gốc: Blockchain là sổ cái phân tán cho phép các giao dịch được hợp thức hóa mà không cần cơ sở dữ liệu trung gian. Điều này giúp chuẩn hóa và an toàn giao dịch ngay lập tức, ngay cả khi giữa các quốc gia với nhau. Blockchain tạo ra

sự liên kết chặt chẽ, giúp người dễ dàng truy xuất tất cả các loại giao dịch, tương tác và theo dõi các thay đổi. Một điều mà các lĩnh vực truyền thống không thể có được. Công nghệ này có thể đem lại sự minh bạch, loại bỏ các chi phí không hiệu quả và không cần thiết, cũng như nâng cao tính bảo mật và trao quyền cho cộng đồng thông qua việc tham gia vào hệ thống.

**Hoàng Hưng**

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

## **HIỆU QUẢ CÔNG TÁC CHUYỂN GIAO KHOA HỌC KỸ THUẬT CỦA ĐỘI NGŨ LÀM CÔNG TÁC KHUYẾN NÔNG**

**N**gày 10/8/2018 Trung tâm Khuyến nông tỉnh Điện Biên phối hợp UBND huyện Tủa Chùa tổ chức hội nghị giao ban công tác Khuyến nông nhằm đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018.

Đến dự hội nghị có lãnh đạo UBND huyện Tủa Chùa, Ban giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh, các trưởng trạm Khuyến nông Khuyến ngư 9 huyện thị, viên chức làm công tác khuyến nông cấp tỉnh và huyện.

Trong 6 tháng đầu năm Trung tâm Khuyến nông tỉnh phối hợp với Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư các huyện, thị xã trong tỉnh triển khai 08 lớp tập huấn nâng cao năng lực về kỹ năng, phương pháp và kỹ thuật chuyên ngành cho 295 học viên; 02 lớp tập huấn Sản xuất lúa chất lượng cho 60 hộ tham gia; 01 lớp tập huấn Sản xuất Ngô lai với 30 lượt người; 01 lớp tập huấn kỹ thuật trồng Sắn LT16 cho 10 hộ; giúp Trạm Khuyến nông - Khuyến ngư và phòng Nông nghiệp huyện Nậm Pồ tổ chức 06 lớp tập huấn về kỹ thuật

chăn nuôi gia súc, gia cầm và kỹ thuật trồng lúa cho 300 học viên..

Bằng nguồn vốn sự nghiệp Trung tâm Khuyến nông đã tổ chức 162 lớp tập huấn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản với 6.685 lượt người tham gia trong đó: Huyện Nậm Pồ 38 lớp tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi gia súc gia cầm, kỹ thuật chăn nuôi thủy sản và kiến thức BTVT, nhận dạng và phòng chống tác hại của Châu chấu tre gây hại trên cây trồng với 1.137 người tham gia; huyện Điện Biên là 98 lớp tập huấn quy trình sản xuất cho 3.950 lượt người; thị xã Mường Lay 08 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăm sóc phòng trừ dịch bệnh cây trồng, vật nuôi với 278 lượt người tham gia; huyện Mường Ảng 14 lớp tập huấn với 1.200 lượt người; huyện Tuần Giáo 01 lớp tập huấn sản xuất lúa chất lượng với 30 lượt người; huyện Điện Biên Đông 02 lớp với 60 lượt người; huyện Tủa Chùa 01 lớp tập huấn sản xuất Ngô lai với 30 lượt người.

Trung tâm Khuyến nông tỉnh phối hợp với cán bộ dự án ICRAF kiểm tra theo dõi mô hình Nông lâm kết hợp quy mô 50ha với 78 hộ nông dân tham gia tại xã Tỏa Tình, huyện Tuần Giáo và 20 ha cây ăn quả với 32 hộ tham gia tại bản Nà Nọi, xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên. Mô hình Nông lâm và cây ăn quả đều sinh trưởng và phát triển tốt.

Các Trạm khuyến nông đã thực hiện việc hỗ trợ giống theo Quyết định số 02 ngày 13/3/2014 của UBND tỉnh và Quyết định 102/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ, lượng giống hỗ trợ 6.948 kg giống ngô, 21.775 kg giống lúa, 60.000 con giống thủy sản các loại. Trong đó: huyện Điện Biên: 4.976 kg giống ngô, 8.000 kg giống lúa; huyện Nậm Pồ: 4.515 kg lúa cho 492 hộ, giống thủy sản các loại 60.000 con cho 67 hộ, hỗ trợ mất ghép Nhân quy mô 1ha tại xã Nà Hỳ; huyện Điện Biên Đông hỗ trợ kinh phí 167.480.000 đồng mua giống ngô, lúa cấp cho 4.946 hộ, hỗ trợ khai hoang kinh phí 761.020.000 đồng cho 543 hộ; thị xã Mường Lay: 9.260 kg lúa, 1.972 kg Ngô; huyện Mường Ảng: 10.080 kg giống lúa cho 575 hộ, 1.039 kg giống Ngô cho 287 hộ, 1.939 kg giống đậu tương cho 288 hộ).

- Huyện Tủa Chùa: Triển khai 02 mô hình Gà, quy mô 3.750 con với 50 hộ tham gia, triển khai thực hiện tại xã Tủa Thành, Mường Báng; mô hình Cá quy mô 36.000 con với 19 hộ tham gia, triển khai thực hiện tại xã Mường Đun.

- Thị xã Mường Lay: Mô hình trồng thử nghiệm Lúa (giống ADI168; ADI 28; HDT10; DA1) quy mô 5 ha với 50 hộ tham gia.



Hội nghị giao ban công tác khuyến nông 6 tháng đầu năm 2018

Ảnh: Thanh Bình

- Huyện Điện Biên: Triển khai mô hình trồng lúa đông xuân theo phương pháp hiệu ứng hàng biên, quy mô 8 ha, số hộ tham gia 100 hộ tại xã Thanh An, Thanh Hưng, thu hoạch năng suất đạt 68 - 70 tạ/ha; mô hình ghép mắt lê trên cây mắc coọc, quy mô 1,6ha thực hiện tại xã Mường Phăng; phối hợp với công ty Syngenta, Công ty giống Thái Bình, Công ty ADI xây dựng 11 mô hình trình diễn các giống lúa, ngô lai tại 07 xã: Thanh Yên, Thanh Hưng, Noong Luông, Na Tông, Hẹ Muông, Mường Nhà và Núa Ngam.

Tại hội nghị các đại biểu của Trạm Khuyến nông – Khuyến ngư các huyện thị trong tỉnh đã chia sẻ kinh nghiệm trong việc chỉ đạo sản xuất các mô hình tại địa phương, xây dựng các chương trình dự án Khuyến nông, các gương điển hình tiên tiến tại địa phương. Đây là dịp để cán bộ khuyến nông trong hệ thống từ cấp tỉnh đến cấp huyện giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm công tác chuyên môn.

**Khắc Tân**

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Điện Biên

## CÁC BÀI THUỐC TỪ CON TRÂU

Từ khi được thuần hóa con trâu là một trong những con vật rất gần gũi với con người, con trâu không chỉ là vốn quý “đầu cơ nghiệp” của nhà nông mà các bộ phận của nó từ thịt đến da, xương, móng... đều có giá trị dinh dưỡng và sử dụng để làm thuốc chữa bệnh. Trong y học, nhiều bộ phận của con trâu có thể giúp bảo vệ sức khỏe của con người. Từ lâu con người đã biết rằng “ngưu đậu” là bệnh đậu mọc trên cơ thể trâu, bò không độc bằng đậu mọc trên cơ thể người. Các nhà dịch tễ học đã biết cách trích lấy mủ “ngưu đậu” nhân giống vi trùng đậu, tạo thành vaccine đậu mùa rồi chủng lên cơ thể người tạo ra cơ chế miễn dịch giúp con người đủ sức chống lại sự xâm nhập của vi trùng bệnh đậu mùa. Nhờ phát minh này mà loài người đã thoát khỏi nanh vuốt của tử thần do bệnh “đậu mùa” gây nên.

Đã từ rất lâu trong các bữa ăn của gia đình người Việt thịt trâu là nguyên liệu chính để chế biến những món đặc sản như thịt trâu nấu với rau cần, lá lốt, rau sùng, ngổ điếc. Thịt trâu luộc, kho, quay, nướng, xào, hầm, nấu cháo, hấp gừng... đều có tính bổ dưỡng cao, tăng lực, mạnh gân cốt.

Theo đông y, tất cả các bộ phận của con trâu đều có thể dùng chữa bệnh như thịt, da, xương, lông, móng, sỏ mật, răng...

- Da trâu: cạo bỏ hết lông, thịt, gân, màng, cắt thành từng miếng, phơi hoặc sấy khô. Da trâu nấu rồi cô lại cho đặc gọi là a dao. Khi chỉ định chữa bệnh, a dao có tên là “ngưu dao ỉm”. Người ta dùng “ngưu dao ỉm” sắc với rượu để trị các chứng bệnh như ghẻ ngứa, nhọt độc...

- Cao da trâu: hay còn gọi là minh giao,

hoàng minh giao, có chứa canxi, gelatin, keratin và protid, có vị mặn, ngọt, mùi hơi tanh, tính bình, không độc, có tác dụng giảm đau, cầm máu, nhuận táo, được dùng trong những trường hợp chữa phong thấp, chân tay đau nhức, đái són, động thai, thổ huyết, băng huyết, đái ra máu, chảy máu dạ dày.

- Sỏ mật trâu: hay còn gọi là ngưu hoàng giúp cho tác dụng trấn tĩnh được kéo dài. Ngưu hoàng làm tăng hồng cầu, tăng huyết sắc tố và mạch tim. Loại biệt dược này có tác dụng thanh tâm giải độc chữa hồi hộp khai đờm. Ngưu hoàng vị đắng có hơi độc do đó Ngưu hoàng có thể làm sảy thai đối với phụ nữ đang mang thai

- Răng trâu (ngưu xỉ): đốt đỏ hồng, nhúng dấm, đốt nhúng ba lần rồi tán thành bột. Tay chân bị lở loét, trẻ em bị chốc đầu có mủ, dùng bột ấy trộn với dầu vừng bôi vào vết lở, vài lần sẽ khỏi. Bột ngưu xỉ, hoà nước sôi, để nguội, cho trẻ động kinh uống giữa hai lần lên cơn, kiên trì nhiều lần sẽ khỏi. Người già răng lung lay, dùng bột ngưu xỉ chà vào, ngậm cho đến khi nước bọt ra đầy miệng thì nhổ ra, súc miệng. Điều trị như thế lâu ngày, răng bớt lung lay, thậm chí có thể chắc trở lại.

- Nước dãi trâu (ngưu khẩu tần): cũng là vị thuốc lấy nước dãi trâu bằng cách rửa sạch miệng trâu, dùng muối xoa vào hàm trâu, dùng lông tre nhỏ tráng miệng và chúm mồm trâu xuống, bên dưới đặt chậu hứng. Lấy bông quấn đầu đũa, thấm nước dãi trâu bôi sâu vào họng người bị đau cuống họng sẽ khỏi. Người bị cấm khẩu thì cho uống nước dãi trâu kết hợp với xoa bóp vùng mặt, dùng kim trích máu 10 đầu ngón tay, sẽ nói được.



- Cao xương trâu: Dùng xương trâu nấu cao đơn thuần hoặc phối hợp với các loại xương khác gà, heo, chó, dê, trăn, khỉ... thành cao xương hỗn hợp. Dùng để làm thuốc bổ gân xương, bồi bổ canxi, chất keo cho các đối tượng người già yếu, trẻ em chậm biết đi. Lấy cao xương hỗn hợp phối hợp thêm các vị thảo dược như ngũ gia bì, đẳng sâm, thực địa, cấu tích sẽ cho tác dụng tăng dược tính của bài thuốc cần dùng.

- Xương trâu: Dùng xương tươi mới, chặt đoạn nhỏ (cả tủy) ninh với bí đỏ, cà rốt, măng, khoai tây... để bồi bổ sức khỏe.

- Sữa trâu: Uống sữa trâu như các loại sữa khác sau khi đã nấu chín để bồi bổ cơ thể.

Đặc biệt, trong đông y, ngày nay do sừng tê giác quá hiếm nên người ta đã dùng sừng trâu thay sừng tê giác trong điều trị và cho hiệu quả cao. Sừng trâu (thủy ngưng giác) là dược liệu dễ kiếm, hầu như có sẵn ở khắp các vùng nông thôn. Nó đã được sử dụng làm thuốc từ hàng nghìn năm nay. Sách “Danh y biệt lục” viết: Sừng trâu có thể dùng chữa chứng đau đầu do thời khí nóng lạnh thất thường. Còn theo sách “Đại Minh bản thảo”, sừng trâu sắc lấy nước uống có thể trị chứng phong do nhiệt độc và sốt cao.

Y học hiện đại cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu về tác dụng chữa bệnh của sừng trâu. Các nhà khoa học khẳng định việc sử dụng sừng trâu và sừng tê giác cho kết quả điều trị cơ bản như nhau đối với 30 loại bệnh: viêm não B, trẻ nhỏ sốt nóng trong mùa hè, ban xuất huyết do giảm tiểu cầu, thần kinh phân liệt... Như vậy, có thể sử dụng sừng trâu thay thế cho sừng tê giác.

Xin giới thiệu một số bài thuốc từ con trâu:



Ảnh: Trần Thơm

- Chữa phù, tiểu ít: Thịt trâu 200g bóp dằm thanh và gừng rồi hấp chín. Hoặc phối hợp thêm các vị thuốc lợi tiểu như rễ cỏ tranh (ăn nhạt). Mỗi tuần ăn 3-4 lần.

- Phát sốt, hồi hộp, vầng đầu, móng tay chân nhợt, dùng bài thuốc sau: Thịt trâu 500g; câu kỷ tử 30g; sinh khương 10g; muối tinh 10g; nước gừng 200ml; dầu lạc 10g; hoài sơn 30g; củ hành 10g; rượu nhạt 20ml. Rửa sạch thịt trâu nhúng vào nước sôi 3 phút, thái ngang thớ thịt từng lát nhỏ, bỏ vào nồi lẫn với các vị thuốc và gia vị, đậy kín, đem hầm hai giờ, ngày ăn 2 lần.

- Huyết hư, nóng trong xương, mồ hôi trộm: Thịt trâu hoặc xương trâu hầm làm món ăn hàng ngày với các loại như khoai tây, cà rốt, củ cải, ngó sen, củ sùng cùng các loại rau thơm.

- Phù thũng: Lấy bàn chân cẳng trước đốt lột móng, cạo lông luộc mềm róc lấy thịt gân để nấu lạt với rau cải, bí bầu hoặc với các vị thuốc lợi tiểu như rễ cỏ tranh, rau mã đề.

- Tay chân sưng đau: Thịt trâu tươi mới, thái mỏng đắp lên, khi khô thay thịt mới.

- Chữa đầy bụng, trướng hơi không muốn ăn, người nóng: Hoà sữa trâu với bột hạt cau và mộc hương (lượng bằng nhau) ngày uống 2 lần.

- Tắc tia sữa: Thịt mũi trâu (phần lóng bóng quanh 2 lỗ mũi), nấu canh với mướp khía và hành hoa (cả củ và lá tươi) hoặc nấu canh với đu đủ, mít non...

Chống suy nhược thần kinh và thể lực: Nấu cao thịt trâu bằng cách ninh lấy nước cô cao có màu hổ phách, bảo quản kỹ để ăn dần ngày 1-2 thìa nhất là về mùa đông giá rét cho khỏi tê mỗi đầu nhức chân tay và bồi bổ cơ thể...

**Trần Thơm** (Sưu tầm và biên soạn)

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN

## KỸ THUẬT NUÔI CÁ TRẮM ĐEN THƯƠNG PHẨM TRONG AO

**T**rong các loại cá nước ngọt, cá trắm đen được xếp là một trong những loại cá quý nhất bởi hàm lượng dinh dưỡng cao. Cá trắm đen thuộc loại cá cỡ lớn, nặng nhất tới 40-50kg. Cá thường đánh bắt được cỡ 2-3kg đến 4-5kg và có thể gặp những con 20-30kg. Cá lớn tương đối nhanh nhất là từ năm thứ 2 đến năm thứ 4. Cá trắm đen có thân dài, gần tròn, đầu vừa phải, phần cuống đuôi dẹp bên. Khoảng cách 2 ổ mắt rộng. Mồm hơi nhọn, ngắn. Miệng hướng về phía trước hình móng ngựa. Cá trắm đen được nuôi để làm thực phẩm và dược phẩm. Nuôi cá trắm đen thương phẩm trong ao là một trong những mô hình mang đến lợi nhuận cao cho bà con nông dân. Tuy nhiên, để thành công với mô hình này, bà con cần thực hiện các bước chuẩn bị ao, thả nuôi theo đúng quy trình được các chuyên gia khuyến cáo. Dưới đây là hướng dẫn chi tiết bà con nên tham khảo và áp dụng.

### 1. Chọn ao nuôi

Chúng ta có thể sử dụng ao có sẵn hoặc ao mới đào để nuôi Trắm đen. Diện tích và hình dạng ao tùy thuộc vào điều kiện của từng gia đình, có thể từ vài trăm m<sup>2</sup> đến vài mẫu, nhưng tốt nhất chọn ao hình chữ nhật, có diện tích từ 1000-3000m<sup>2</sup>, độ sâu nước

từ 2-2,5m. Những ao này sẽ thuận lợi cho chăm sóc và thu hoạch cá.

*a. Vị trí ao nuôi:* Ao gần nguồn nước sạch để thuận tiện cho việc cấp nước khi cần và gần hệ thống thoát để hạn chế chi phí khi thay nước và khi thu hoạch. Ao ở nơi thoáng để ao có thể tiếp nhận được nhiều ánh sáng mặt trời giúp cho các sinh vật là thức ăn cho cá lúc nhỏ có thể phát triển tốt.

*b. Bờ ao:* Chắc chắn không rò rỉ nước, không có hang hốc. Với ao mới đào tránh sạt lở bờ. Độ cao của bờ ao cần cao hơn mức nước cao tối đa 0,5-0,6m. Trên bờ không nên trồng các cây có tán che phủ lớn, cần phát quang các bụi cây quanh ao để không còn chỗ ẩn nấp của địch hại.

*c. Nước:* Cá Trắm đen có nhu cầu về ôxy cao hơn các loài cá khác. Nếu không đủ ôxy cá chậm phát triển, dễ bị bệnh và chết. Do vậy muốn đảm bảo ôxy cho cá phải quản lý môi trường nước ao nuôi luôn sạch, bề mặt ao phải thoáng. Tốt nhất mỗi 500 m<sup>2</sup> ao nuôi nên bố trí một máy phun mưa để tăng sự khuếch tán của ôxy từ không khí vào trong nước khi cần. Mực nước trong ao luôn giữ khoảng 1,5-2m là tốt nhất.

*d. Đáy ao:* Đáy bằng phẳng và dốc về

một phía công thoát để dễ tháo nước khi thay và rút nước khi thu hoạch cá. Độ dốc đáy ao từ 0,5-10 nghiêng về công thoát. Đáy ao phải được nạo vét bùn hàng năm không nên để bùn quá dày dễ bị thối, là nơi cư trú cho các sinh vật gây bệnh cá và sinh ra các khí độc như  $CH_4$ ,  $NH_3$ ,  $H_2S$ ,... Tránh bùn đen, bùn thối.

## 2. Chuẩn bị ao nuôi

Muốn có một vụ nuôi thành công thì chúng ta cần phải làm tốt công tác chuẩn bị ao. Trước khi thả 7 - 10 ngày, ao phải được làm cạn nước, dọn sạch rong, cỏ, bụi cây quanh bờ. Nếu ao mới đào phải tạo lớp bùn đáy thích hợp (tốt nhất nên giữ lại lớp bùn bề mặt). Nạo vét bùn đáy không nên để quá dày, tốt nhất độ dày bùn đáy ao từ 15-20cm. Sửa dọn bờ ao cho chắc chắn, lấp các hang hốc quanh ao. Bón vôi tẩy trùng ao 7-10 kg/100m<sup>2</sup> để diệt cá tạp và các vi khuẩn gây bệnh cho cá, cải tạo nền đáy ao. Phơi đáy ao 3-4 ngày nhằm khử trùng và thoát các khí độc ở đáy ao. Bón phân gây màu nước ao nhằm cung cấp chất dinh dưỡng tạo nguồn thức ăn tự nhiên cho cá, giảm độ phèn, giúp cho pH trong ao ít biến động. Liều lượng dùng: phân chuồng 20-30kg/100m<sup>2</sup>

Lấy nước vào ao: nước khi lấy vào ao phải được lọc qua lưới mắt nhỏ tránh cá tạp, cá dữ theo vào ao nuôi hại cá và cạnh tranh thức ăn. Đặc biệt các nguồn nước tự nhiên hiện nay thường có cá rô phi con đẻ ngoài tự nhiên dễ theo nước vào ao nếu chúng ta không dùng lưới lọc khi lấy nước, khi đó cá rô phi sẽ cạnh tranh nguồn thức ăn giàu đạm, đất tiền khi nuôi cá trắm đen.

## 3. Chuẩn bị cá giống, thả cá và chăm sóc cá sau thả

### a. Chuẩn bị cá giống và mật độ thả



Cá trắm đen

Ảnh: Sư tầm

Chọn cá giống khoẻ mạnh không xây xát không dị hình, kích cỡ đồng đều.

Có thể thả giống bé cỡ 30-50g/con hoặc giống lớn cỡ 200 - 300g/con.

Mật độ thả: Đối với giống cỡ 30-50 g/con thả với mật độ 2 con/m<sup>2</sup>, với giống cỡ lớn 200-300 g/con thả với mật độ 1 con/m<sup>2</sup> (để tránh lãng phí diện tích nuôi). Khi cá lớn tùy thuộc vào điều kiện nguồn nước khả năng cạnh tranh có thể giảm bớt mật độ nuôi.

Đối với ao nuôi cá trắm đen thương phẩm có thể nuôi đơn hoặc nuôi ghép. Nếu nuôi ghép cần lưu ý đối tượng ghép để tránh cạnh tranh thức ăn với cá trắm đen, hoặc ghép những loài có giá trị cao hoặc những loài có khả năng làm sạch môi trường ao nuôi. Các đối tượng ghép hiện nay có thể thả cá chép, cá mè, cá rô đồng... Tỷ lệ ghép thường 80% cá trắm đen và 20% các đối tượng ghép khác, riêng cá rô đồng nên nuôi ghép mật độ cao khi mới thả cá trắm đen giống và chỉ nên thả vào vụ Xuân-Hè.

Cá cần được tắm nước muối loãng nồng độ 2% (2 kg muối/100 lít nước) hoặc kháng sinh 30 ppm trong 10 phút trước khi thả cá.

Thả cá vào thời điểm mát trong ngày. Khi thả cá cần được cân bằng nhiệt giữa bao cá và môi trường nước ao nuôi.

#### *b. Thức ăn và cách chăm sóc*

Thức ăn sử dụng cho cá trắm đen là thức ăn viên nổi có kích cỡ viên 1-10mm tùy theo kích cỡ miệng cá, thức ăn có hàm lượng đạm cao 40% protein và 10% lipid đối với giai đoạn cá giống; hàm lượng đạm 35% protein và 7% lipid đối với nuôi thương phẩm.

Hàng ngày cá được cho ăn 2 lần với tỷ lệ cho ăn dựa tính theo % khối lượng cơ thể, có điều chỉnh theo thời tiết, tình trạng môi trường ao nuôi và tình trạng sức khỏe cá nuôi (lượng thức ăn giảm từ 7-5-3 % trọng lượng cơ thể/ngày). Khi cá lớn >500g/con có thể cho ăn thêm ốc vụn (lượng ốc tùy thuộc vào giá ốc ở địa phương để điều chỉnh lượng thức ăn viên nhằm giảm giá thành thức ăn).

Ao nuôi duy trì đảm bảo mức nước sâu 1,5-2m, khi cá lớn >2kg cần duy trì mức nước sâu >2m. Hàng tuần có bơm thêm nước mới để kích thích sinh trưởng và thay nước bẩn nếu thấy cần thiết.

Hàng ngày (hàng tuần) theo dõi, kiểm tra môi trường nước: Nhiệt độ, ôxy hòa tan trong nước, pH, sử dụng các bộ test phân tích đánh giá môi trường nuôi để kịp thời xử lý.

Khi có biểu hiện không tốt về môi trường sẽ có những giải pháp kịp thời như sử dụng vôi xử lý môi trường hoặc sử dụng các loại thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học được phép của Bộ NN & PTNT.

Định kỳ kiểm tra tốc độ sinh trưởng bằng cách kiểm tra ngẫu nhiên 30 con, tính khối lượng cá trung bình hàng tháng để điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp.

#### *c. Một số bệnh thường gặp và cách khắc phục khi nuôi cá Trắm đen thương phẩm*

Viêm ruột xuất huyết do ăn phải thức ăn kém phẩm chất sau nhiễm khuẩn gây viêm và

xuất huyết ruột. Để hạn chế thiệt hại thường xuyên kiểm tra thức ăn, tránh cho ăn thừa thức ăn và tránh thức ăn nhiễm nấm mốc, thức ăn có chất lượng kém. Dùng kháng sinh Enrofloxacin trộn thức ăn cho cá ăn 5 ngày liên tục với liều 30-50mg/kg cá/ngày, hoặc dùng thuốc "Fish Health" trộn thức ăn cho cá ăn 5 ngày liên tục với liều 1g/kg cá/ngày, kết hợp bổ sung vitamin C với liều 1g/kg thức ăn cho cá ăn 5-7 ngày 1 đợt.

Bệnh đốm đỏ giống bệnh đốm đỏ trên cá Trắm cỏ. Cá bị bệnh giảm ăn, dừng ăn, trên thân có biểu hiện tuột vảy, xuất huyết gốc vây, xuất huyết lỗ hậu môn, cơ thể cá chuyển màu tối, cá bơi lờ đờ quanh bờ. Nguyên nhân do đánh bắt, vận chuyển để cá bị xây sát trong môi trường nước bẩn khi đó vi khuẩn gây bệnh xâm nhập và sinh bệnh. Xử lý bệnh như bệnh viêm ruột xuất huyết.

Bệnh ngạt do thiếu khí: Cá Trắm đen khi nuôi thương phẩm rất nhạy cảm với thay đổi thời tiết, mỗi khi thay đổi thời tiết cá thường giảm ăn sau bỏ ăn, thiếu khí và khí độc nhiều gây chết ngạt cho cá nuôi. Khi nuôi cần xử lý môi trường ao nuôi bằng các chế phẩm sinh học thường xuyên và kịp thời cung cấp ôxy và nước sạch khi cần thiết.

#### **4. Thu hoạch**

Sau khi nuôi 8 tháng đến 1 năm cá đạt kích cỡ từ 2,5-3,5kg/con (có con vượt cỡ đạt 5-6kg) tiến hành thu tỉa để giảm mật độ. Năng suất ước đạt khoảng > 10 tấn/ha/vụ. Trước khi thu hoạch 2-3 ngày cho cá giảm ăn rồi dừng ăn để tránh gây shock cho cá trong khi thu hoạch, vận chuyển và lưu giữ cá. Cá thu hoạch cần đánh bắt nhẹ nhàng, nhanh tránh gây xây sát sẽ giảm giá trị và đặc biệt lưu ý số cá chưa đạt kích cỡ còn lại trong ao nuôi tiếp. Cá thương phẩm cần được vận chuyển bằng nước sạch, mát và cung cấp đủ lượng ôxy hòa tan.

**Thanh Hòa** (Sưu tầm và Biên soạn)  
Trung tâm Thông tin và Ứng dụng TBKHCN